TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Tư-mã Thiên và bộ Sử-ký — *Hoa-Bằng*
* Tra nghĩa chữ nho (XXVI) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Một phương-pháp trị lao — *Bác-sĩ Lê-văn-Ngôn*
* Tài - liệu để đính-chính những bài văn cổ (LV) — *Ứng-Hòe*
* Phê-bình « Việt-nam thi ca luận » — *Chu-Thiên*
* Thơ quí ngâm, bình — *Tùng-Vân*
* Khoa thi hương năm tân-mão (III) — *Tiên-Đàm*
* Bài chí hồ núi Ba-bể — *Nhật-Nham*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn — Bà Cẩm-Lai*
* Những ông nghè triều Lê (XLVIII) — *Ứng-Hòe*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, VII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — **Số 80**
Thứ năm, 14 Janvier 1943

0 $ 20

VẤN-ĐỀ SỬ-HỌC

TƯ'-MÃ THIÊN VÀ BỘ SỬ'-KÝ

của sử gia trứ danh ấy

HOA-BẰNG

TRONG sử-giới Trung-hoa có Tư mã Thiên là tay cự-phách, mà tác-phẩm về loại lịch-sử của Tàu có bộ *Sử-ký* của Thiên là giá trị nhất, nên tôi xin nói riêng trong 1 bài này.

Tư-mã Thiên, tên tự là Tử-trường, sinh ở Long-môn đời Hán. Để làm giầu cho kho tri-thức, Thiên đã đi nhiều nơi : Nam đến Giang, Hoài, bắc tới Vấn, Tứ. Cho nên người ta nói rằng văn-chương Tử-trường có vẻ hùng kỳ, là phần nhiều sở đắc ở du-lịch.

Nhà Tư-mã, từ tổ tiên, đã nối đời nhau làm chức sử-quan, nên cái khiếu sử-học của Tư-mã Thiên không phải là ngẫu nhiên, mà có thể nói là di-truyền được.

Cha là Tư-mã Đàm làm thái-sử-lệnh khoảng niên hiệu Kiến-nguyên (140-134 tr. T.L.), là một nhà học giả cao-vượt hơn người. Khi sắp chết, Đàm có cầm tay Thiên, gạt nước mắt mà trối-trăng :« Tổ-tiên ta làm thái-sử nhà Chu. Nhưng từ đời xưa đã có những đấng tỏ rệt được công danh ở lớp nhà Ngu, nhà Hạ : giữ công việc chức thiên-quan. Về sau, giữa vời suy kém, đến ta thì đứt hẳn cái mạch truyền kế ! Con lại làm thái-sử thì nối lấy cái gia nghiệp của tổ tiên ta ! Nay nhà vua thừa-tiếp quốc-thống nghìn năm, đi phong thần ở Thái-sơn, thế mà ta không được đi theo, cũng là số mệnh nhỉ ! cũng là số-mệnh nhỉ ! Ta chết đi, con tất sẽ làm thái-sử. Con làm thái sử thì đừng quên những cái ta muốn bàn, muốn chép ! »

Mấy lời di huấn ấy chắc đã làm cho Thiên cảm động vô hạn !

Đó là một động-cơ rất mạnh đẩy Thiên phải tận-tụy trên đường sử-học sau này.

***

Thiên, từ bé, đã có tiếng là người « bất cơ », nghĩa là tài chất cao xa, không có gì ràng-buộc nổi.

Đến tuổi thanh-niên, Thiên nối chức cha, làm thái-sử dưới triều Hán Vũ-đế (140—86 tr. T. L.).

Thiên là người chuyên theo đạo nho, nhưng có cặp mắt sáng-suốt, biết nhìn vào tận bộ mặt thực của xã-hội mà rộng nhặt sử-liệu, chứ không có cái thiên-kiến như nhiều nhà nho khác.

Khi làm thái-sử, Thiên cố-gắng làm hết bổn phận một vị sử-thần, mong không phụ cái chức-vụ thiêng liêng mà vua Hán đã giao-phó, nên trong bức thư đáp Nhậm Thiếu-khanh, Thiên có nói : « May chúa-thượng vì cớ tiền nhân tôi, nên cho tôi được trổ chút tài mọn, cho ra vào trong chỗ túc vệ kín-đáo nghiêm ngặt. Tôi nghĩ rằng đã cam đội chậu thì sao nhìn được trời, nên dứt mối tri-giao với khách-khứa, bỏ hẳn sinh-nghiệp trong cửa nhà, ngày đêm nghĩ làm hết tài, hết sức của kẻ bất-tiếu này, chăm-chăm một niềm làm việc, mong sao cho được gần-gũi và đẹp lòng chúa thượng... »

Rồi trong bài *Tự-tự* ở *Sử-ký*, Thái-sử công (Thiên) có viết : « Vả, tôi từng giữ chức quan, nếu bỏ thịnh đức của đời minh-thánh mà không chép, giứt sự-nghiệp của thế-gia công thần và hiền đại-phu mà không thuật, làm hỏng mất những lời nói của tiên-nhân thì còn tội nào lớn hơn nữa ! Tôi gọi là thuật lại mọi việc cũ, xếp đặt chỉnh tề các thế-truyện, chứ nào phải sáng-tác đâu. »

Tuy nhằm theo cái đích làm cho nên-trọn chí của cha, nhưng không giống cha ở chỗ chịu ảnh-hưởng của đạo-gia (vì Tư-mã Đàm học đạo luận ở Hoàng-tử), Thiên chỉ riêng tôn nho-giáo, cho là một thứ đạo-học quý nhất của người đời.

Vả Thiên là người đời Hán Võ-đế. Không-khí nho-giáo bấy giờ đương vây-bọc hết cả mọi lớp người trong xã-hội, nho-học được coi là thứ quốc-học ở đương thời, nên Thiên đã nhuần thấm và cảm-hóa bởi nho-học và đã đi vào tận chỗ sâu nhiệm của lục kinh.

Vậy ta không lấy lạ khi thấy Thiên ôm mối đại vọng là làm *Sử-ký* để tiếp nối với kinh *Xuân-thu*. Ý ấy chính Thiên đã tỏ trong bài *Tự tự* : « ... Từ khi Chu-công mất, 500 năm thì có Khổng-tử. Sau khi Khổng-tử mất đến nay 500 năm, có ai hay nối cái khoảng đời minh-thịnh mà chánh Dịch-truyện, tiếp Xuân-thu, giữ gốc Thi, Thư, Lễ, Nhạc thì chẳng ở đây chăng ? chẳng ở đây chăng ? Kẻ tiểu-tử này đâu dám tự khiêm mà nhường công-việc ấy ... »

***

Nhưng, rủi thay, công-việc lớn-lao ấy đang tiến-hành thì Tư-mã Thiên mắc phải cái oan về việc Lý Lang !

Nguyên Lý Lăng, tự Thiếu-khanh, là cháu Lý Quảng, người Thành-kỷ, làm kỵ-đô-úy đời Hán Vũ-đế. Với một số bộ-kỵ không đầy năm nghìn, Lăng xông vào nội-địa Hung-nô, đánh luôn hơn 10 ngày, giết được quá nửa quân giặc, làm cho bên địch không kịp cứu kẻ chết, đỡ kẻ bị thương! Nhưng sau, sức kiệt, đường cùng, Lăng phải hàng giặc.

Tin đó lọt đến Hán-đình, vua Hán quá đỗi đau đớn tức giận. Thế mà trước mặt vua Vũ-đế sử-gia Tư-mã-Thiên dám can-đảm thẳng thắn bênh-vực cho Lý-Lăng: « Lý-Lăng vốn là người nhịn phận mình, chia ngọn-ngọt với sĩ và đại-phu, nên được người ta giúp sức liều chết; dẫu danh-tướng đời xưa cũng không hơn Lăng được. Nay thân Lăng tuy hãm trận bị thua, nhưng xem chí Lăng vẫn muốn lập công đền tội để báo-đáp nhà Hán. Việc đã lỡ, không làm sao được mà đến nỗi phải dập gẫy thất-bại, song cái công của Lăng cũng đủ giải-tỏ với thiên-hạ rồi ».

Chẳng dè vua Hán cho thế là Thiên du-thuyết cho Lý-Lăng, làm vu-hoặc nhà vua, bèn khép Thiên vào pháp-luật.

Nhà Thiên nghèo, không đủ tiền của lót đó luồn dây để chuộc mình; mà bạn-hữu giao-du không ai cứu-giúp cho cả!

Thế rồi Tư-mã-Thiên bị điệu xuống nhà ngục kín-mít như buồng tắm, phải chịu cái tội rất đau đớn, rất sỉ-nhục là tội hủ-hình, tức là tội bị thiến làm cho thân thể phải tàn-khuyết thối-nát!

Nhà sử bất-hạnh ấy đã cho tội mình phải chịu đó là một kỳ nhục trong mọi thứ tội khác, vì tội hủ-hình nhục hơn tội bị cắt tay chặt chân, nhục hơn tội bị lột da xả thịt, nhục hơn những tội thích chữ, gọt tóc, cùm xích, đánh đòn...

Để cắt nghĩa cái cớ tại sao mình chịu đeo nhục mà không muốn chết vội, Thiên có nói: « Tôi tuy hèn nhát, muốn sống tạm-bợ, nhưng cũng biết rõ cái nghĩa lui tới, chứ sao lại đến nỗi đắm đuối mãi trong cái nhục giam cầm này? Vả, những kẻ tôi-đòi còn biết tự quyết, huống chi tôi lại không bất đắc dĩ làm được sao? Tôi sở-dĩ sống tạm, bị u-tù trong vòng đất bẩn phân nhơ mà không từ, là vì còn ân-hận rằng lòng riêng chưa tỏ được hết những nỗi bỉ-lậu, hết kiếp mà vàn vẻ không nêu rệt được với đời sau! Xưa nay những khách giàu sang, danh phải tiêu-diệt, không biết bao nhiêu mà kể, duy có hạng người thẳng-thích phi-thường mới được người ta kể đến ».

Đó lại là một động-cơ nữa thúc-giục Tư-mã-Thiên cố làm cho trọn bộ *Sử ký*.

Thiên đã là con nhà nối đời làm sử-quan, có thể nhặt lượm sử-liệu sẵn sàng một cách dễ-dàng; vả từ hồi 20 tuổi, như trên đã nói, Thiên lại đi du-lịch nhiều nơi, chẳng để khảo-sát những chỗ địa điểm có quan hệ đến lịch-sử. Phải, « đi một bước đàng, học một sàng khôn », chính Thiên đã đến Cối-kê để thăm dấu kiên-nhẫn thành công của Việt Câu-Tiễn, học tập ở đô-thành nước Tề, nước Lỗ để xem xét cái phong-độ còn sót lại của Khổng Trọng-ni. Nói tóm, phàm những dấu cũ, vết xưa có dính líu đến cuộc hưng phế của liệt-quốc trước đời Hán, Thiên chẳng đã đi khắp lượt cả.

Vừa giàu kho từng-trải, vừa dày vốn học-thuật, Thiên chẳng những sở-trường về môn sử-học, mà cả đến văn-học, triết-học, thiên văn học này khác, Thiên cũng thông-hiểu tất cả. Cho nên, khi hạ bút, Thiên tỏ ra là một tay bác cổ, thông kim, đủ tư-cách ghi-chép mọi sự vật, biết phê-phán công-bằng đối với các học-phái. Xét trong *Bát thư* ở *Sử-ký*, tức là tám thiên nói về lễ, nhạc, luật, lịch, thiên-quan, phong-thiền, hà-cừ, bình-chuẩn, có thể nói tác-giả đã nhặt-lượm được hầu hết mọi sử-liệu về mặt văn-hóa cũng như về mặt kinh-tế.

Như vậy, sử-gia Tư-mã-Thiên có thể tự hào mà nói: «...Tôi không biết nhún mình, trộm mượn những lời không hay ho gì mà viết ra, góp nhặt những điều nghe cũ tản-mát trong thiên-hạ, lược khảo mọi việc làm của vương-giả, suy xét đầu cuối, kê-cứu những dấu ghi về mọi cuộc thành, bại, hưng, phế,... làm thành 130 thiên, cũng muốn để nghiên-cứu cái khoảng trời và người, xem suốt cuộc biến xưa và nay, lập thành thuyết riêng của một nhà...»

***

Vậy nội dung bộ *Sử-ký* 130 thiên ấy ra sao, tôi cùng các bạn thử xét qua cho biết đại khái:

Bộ sử của Tư-mã Thiên bắt đầu chép từ Hoàng-đế (2697 tr. Tây-lịch) đến đời Hán-Vũ-đế (140-86 tr. T. L.), đằng đặc hàng hơn 1.000 năm. Suốt sách cộng được 526. 500 chữ.

(*Xem tiếp trang 17*)

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 26

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XIV. — CHỮ *PH* (*bài nối*)

Về chữ *phúc*, tôi lược dịch cuốn *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois* của ông Ed. Chavannes như sau này:

Người Tàu và người Nam có năm lối để tỏ lòng kỳ-vọng và tỏ lòng vui với người có việc vui.

Lối thứ nhất là lối mừng chữ: chữ thọ để mừng về việc thọ, chữ hỷ để mừng đám cưới v. v. Ở người Tàu, phàm việc tốt lành đều gọi là hỷ, nên mừng người đẻ con cũng mừng chữ hỷ. Ở nước ta gần đây, thì chữ hỷ chỉ dùng vào việc cưới mà thôi.

Lối thứ hai là lối hội ý. Thí dụ: mừng một lễ-vật có vẽ hay khắc một nén vàng để chúc người ta giàu có, vẽ quyển sách để chúc người ta học giỏi, vẽ quả lựu để chúc người ta đông con, v. v. Lối hội-ý như thế, kể cũng dễ hiểu; chỉ khi nào vẽ hay khắc theo điển-tích trong sách thì mới khó, thí-dụ vẽ hay khắc một con kỳ-lân. do điển trong *Kinh Thi*, ở thiên Chu-nam, có bài thứ 11 là bài *Lân chi chỉ*, ví con cháu họ hàng vua Văn-vương với chân, chán và sừng con kỳ-lân. Bài ấy như sau này: « Lân chi chỉ, chân chân công-tỷ (nguyên là chữ tử, ở đây phải đọc là tỷ mới đúng vần): hu ta lân hề! Lân chi tính, chân chân công-tính: hu ta lân hề! Lân chi đốc, chân chân công tộc: hu ta lân hề! » Nghĩa là: « Chân con lân kia, cũng như con cháu ông vua có dáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! Chán con lân kia, cũng như họ hàng nhà vua có dáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! Sừng con lân kia, cũng như dòng dõi nhà vua có dáng nhân-hậu: khen thay con lân kia! » Như thế thì một bức thêu hay một đồ sứ, mà vẽ con kỳ-lân là tỏ ý cầu chúc cho người ta được con cháu danh-giả làm nên.

Nhưng lắm khi cũng khó giảng, như con rồng, đâu đâu cũng thấy vẽ, thấy khắc, thấy chạm. Cũng có chỗ vẽ một con hoặc hai con và một cái hình tròn, ta gọi là « luỡng long chầu nguyệt », Tàu gọi là « long hý châu », nghĩa là con rồng bỡn ngọc châu. Vẽ như thế là mong cho người ta được sự tốt-lành cực-điểm. Tại sao? Tại con rồng là chủ việc mưa; khi đại-hạn người ta thường cầu-đảo; cho nên vẽ con rồng làm biểu-hiệu cho những việc cao-quí và có thế-lực. Còn cái hình tròn, mà người ta gọi là mặt nguyệt hoặc ngọc châu, thì có một nhà khảo-cổ nói rằng: trong hình tròn ấy, có một cái vết như một làn khói; làn khói ấy thường vẽ vào cái trống của Thiên-lôi đánh, bởi chữ lôi lúc đầu viết giống như cái làn khói ở trong hình tròn. Cái hình tròn ấy là « lôi », mà làn khói là mây, chữ gọi là « vân ». Còn như nói tại sao con rồng lại chủ về việc mưa, thì có nhiều thuyết lắm; ở đây tôi chỉ « tra nghĩa chữ nho » nên tôi dịch quyển *Từ nguyên* và quyển tự-điển *Khang-hy* như sau: « Con rồng cơ thể làm ra mây mưa, lợi cho muôn vật, cho nên gọi là nhất trong tứ linh. Con rồng là đầu loài lân-trùng (là loài có vảy), có thể biến ra tối hay sáng, nhỏ hay nhớn, ngắn hay dài, về tiết xuân-phân thì lên giời, tiết thu-phân thì ẩn dưới vực sâu ».

Lối biểu-hiệu thứ ba là vẽ hoặc khắc một đồ vật gì, lấy tên đồ vật mà đọc lên thành chữ. Như vẽ một cái kích, một cái khánh và một cái như-ý: chữ kích chính nghĩa là một cái binh-khí, đúng tiếng đọc là cách, nghe gần giống với chữ cát là tốt lành; chữ khánh chính nghĩa là nhạc-khí, đồng-âm với chữ khánh là mừng, phúc; còn cái như-ý là một cái đồ bằng ngọc hay bằng vàng làm theo hình cỏ chi (kỳ sau sẽ nói). Ba cái hình vẽ ấy đọc là « cát khánh như ý », nghĩa là tốt lành như ý. Một quyển *Liêu-trai chí-dị* cũng in một cái tranh như lối ấy.

Lại những đồ sứ, có cái vẽ một quản bút cắm giữa một cái bánh xe, có cái vẽ một cái hoa sen và một cái sênh: bút trong (bánh xe) chữ nho là « bút trung » đọc trạnh ra là « tất trúng », nghĩa là đi thi chắc đỗ. Còn hoa sen chữ là liên, đồng âm với chữ liên là liền; sênh là nhạc-khí, tiếng quan thoại đọc giống như chữ thăng (*cheng*) là lên, cho nên người ta ghép cái hoa sen và cái sênh lại làm hai chữ « liên thăng »

để chúc người làm quan được thăng luôn luôn.

Có đồ sứ, đồ thêu, đồ chạm, v. v. vẽ một đỉnh vàng, « nhất đỉnh » và một cái như-ý : người ta đọc là « nhất định như ý », nghĩa là chắc-chắn được như-ý.

Vẽ một cái như-ý, một cái bình và một cái yên ngựa, là biểu hiệu bốn chữ « bình yên như-ý » ; chữ bình là cái bình viết chữ tính bên chữ ngõa, đồng âm với chữ bình là bằng, chữ yên là yên ngựa, viết chữ cách bên chữ yên, đồng âm với chữ an là yên.

Lối đồng âm dị nghĩa không phải chỉ của Tàu và ta mới có, các nước khác cũng có : như ở Hy-lạp, ngày xưa có cái biểu-hiệu linh-hồn là con bướm, vì chữ hy-lạp *psyché* là linh-hồn đồng âm với chữ *psyché* là tên một thứ bướm bay ban đêm (xem quyển A. Collignon, *Essai sur les monuments grecs et romains relatifs au mythe de Psyché*).

Chữ nho con bướm là điệp (trùng bằng nửa chữ điệp) tiếng quan-thoại đọc giống như chữ điệt (lão trên trẻ dưới, quan-thoại đọc điệp và điệt là *tie*) nghĩa là người già bảy tám mươi. Thế là cũng vẽ một con bướm, mà ở Tàu thì dùng để chúc thọ, ở Hy-lạp thì dùng về việc ái-tình.

Lối biểu-hiệu thứ tư là lối vẽ người. Đồ sứ Tàu thường chấm hai người con trai vui-vẻ đi cùng nhau, người ta gọi là « Hòa Hợp lưỡng thần tiên » : một người cầm lá sen là thần Hòa, chữ nho gọi lá sen là hà, quan-thoại đọc là *ho* giống chữ hòa ; một người cầm cái hộp là thần Hợp, chữ nho gọi hộp là hạp, quan-thoại cũng đọc là *ho* giống chữ hợp.

Lối thứ năm cũng như lối tư, nhưng chỉ vẽ những đồ biểu hiệu của người trong truyện, chứ không vẽ người. Như hai vị tiên Hòa Hợp, thì chỉ vẽ là sen và cái hộp, cũng có khi vẽ thêm cái như-ý, thành câu « hòa-hợp như-ý ».

Đại-khái về mỹ-thuật, thì người Tàu dùng những lối biểu-hiệu như thế, phần nhiều để cầu cho người ta được sung-sướng, cho nên chữ phúc, chữ hỷ, thường thấy thêu hoặc viết sẵn nhiều lắm.

Vẽ con rồng con phượng cũng là ý chúc như thế, do chữ « long phượng trình tường », nghĩa là con rồng con phượng bày tỏ điềm tốt lành.

Chữ phúc thường vẽ con dơi, vì chữ phúc là con dơi cùng với phúc là sung-sướng, tiếng quan-thoại đều đọc là *phu*. Chữ phật-thủ quan-thoại đọc là *phò cheou* (thường viết là fo cheou); chữ phò là phật đọc gần giống với chữ *phu* là phúc, cho nên người Tàu bày quả phật-thủ ở đài ngũ quả là ý thế : ta cũng bắt chước.

Tàu và ta cho màu đỏ là sự vui mừng. Con dện đỏ chữ nho gọi là hỷ, đồng âm với chữ hỷ là mừng, nên ngày trước những phong bì viết thư người Tàu hay vẽ một cái hộp mới mở, có con dện sa xuống, bên cạnh biên bốn chữ « khai phong kiến hỷ », mở hộp thấy dện, nghĩa bóng là mở phong thư thấy sự vui-mừng. Giấy viết thư thì vẽ hai con dện và đề câu thơ « Hỷ đáo thiềm tiền mỗi thị song », nghĩa là dện đến trước mái hiên mỗi lần hai con, nghĩa bóng là sự vui mừng đến nhà lúc nào cũng đi đôi, hoặc đi nhiều. Câu nay trái hẳn với câu phương-ngôn Pháp là « không bao giờ một sự khổ-sở lại đến một mình » (un malheur n'arrive jamais seul), phải đi đôi.

Vẽ hai con dện thì người ta biết ngay là « song hỷ » : người Tàu thường cho là « phúc thọ song toàn », nghĩa là chúc cho sự sung-sướng và sự sống lâu đều được đầy-đủ.

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đầu tháng Janvier có bán :

THI NHÂN VIỆT NAM

(1932 1941)

của

HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

Hơn 400 trang gần 40 bức ảnh

Giá bán

Loại thường 4 $ 25. Loại bouffant 7$ Loại vergé baroque crème 20 $

(Gửi thêm 0 $ 50 tiền cước)

Bạn nào mua 5 quyển trở lên sẽ được trừ 20 % như các hàng sách

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN

xuất bản

Boîte postale 34 Huế

Y-HỌC THƯỜNG-THỨC

MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRỊ LAO

mà người bịnh nào cũng phải biết : sự nghỉ ngơi

(cure de repos)

Của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Được săn-sóc thuốc men cẩn-thận, ở nhằm chỗ phong-thổ thích-hợp và trong một bầu không-khí trong-sạch là gặp những điều cần ích lắm rồi. Nhưng một điều cần-kíp nhất cho người bị lao — đầu họ ở chốn núi cao, nơi đồng-bái hay tại thành-thị — là phải *nằm nghỉ*. Nhờ sự thí-nghiệm, các y-sĩ thấy rằng sự làm việc bằng bắp thịt hay trí-tuệ đều có thể làm cho phổi và tim người bị lao phải mệt, cơ-thể phải yếu thêm rồi bịnh phải nặng hơn, vì vi-trùng lao thừa dịp vô trong máu được.

Nhờ sự nghỉ-ngơi mà phổi bịnh bớt làm việc, bớt bị trì kéo, vết-tích trong phổi khỏi bị toét lớn thêm.

Trong những phương-pháp trị lao hiện thời, ta phải để « *sự nghỉ-ngơi* » trước hết, vì thiếu nó, người bịnh khó mà mạnh đặng.

Mà phải đâu người bịnh nào cũng nghỉ một cách như nhau : phải tùy thời-kỳ của bịnh. Có khi họ phải nằm im không nên vận-động ; có khi họ có thể làm việc chút đỉnh đặng, rồi lần lần họ có thể làm công việc như hồi chưa bịnh.

Thế nào là nghỉ ?

Không phải không làm chi động đến móng tay là nghỉ. Lúc nghỉ, người bịnh không được ngồi, phải nằm yên một chỗ, không nên cựa-quậy (nếu không cần-thiết), không nên nói chuyện nhiều, không nên tiếp khách, không nên đọc sách lâu. Họ phải để trí-não và tinh-thần ngơi-nghỉ. Họ phải quên bỏ những mối lo-phiền, những điều sầu não. Bắt trí-não làm việc còn hại hơn là bắt các bắp thịt làm việc.

Bởi vậy, lắm khi, người bịnh nên đi xa nhà cho khỏi thấy chuyện cực trí, bận lòng, cho quên hẳn những công ăn việc làm, để tránh những sự có thể làm cho buồn-bã. Họ phải quên tất cả những sự khác, họ chỉ nên quyết một lòng và tưởng một chuyện : TA SẼ MẠNH.

Tự nhiên, sự nằm lâu và không làm chi hết, ngày này qua tháng nọ, là một việc rất khó chịu, nhứt là cho những người đã quen hoạt-động. Vậy phải có việc để làm. Việc làm được là thắt chỉ len (tricoter), vì ít mệt-nhọc và làm cho giải trí được trong khi nằm nghỉ. Bởi vậy, ở các dưỡng-đường lao bên Pháp, ta thấy nhiều người đàn ông thắt chỉ len khi nằm nghỉ cho khuây-khỏa.

Tuy người bịnh không nên tự đọc lấy sách, nhờ ai đọc cho nghe thì được. Có máy hát hay vô-tuyến-điện truyền thanh thì họ cũng bớt buồn mà cũng vô hại.

Nằm nghỉ ở đâu ?

Nghỉ phải nằm : khi bịnh đương nặng thì nằm suốt ngày trên giường ; khi bịnh đã bớt, thì nằm trên ghế dài (chaise longue)

Dầu trên giường hay trên ghế dài, người bịnh phải nghỉ như cách vừa nói trên. Nằm mà không có gối càng tốt. Nếu kê hai cẳng giường phía trên người bịnh cao hơn hai cẳng kia một chút thì lại càng tốt, vì người bịnh nằm trên ấy đầu hơi thấp hơn chơn, phổi sẽ làm cho họ thở được dễ-dàng hơn.

Có lúc lương-y cho phép nằm nghỉ trên ghế dài, nhưng nếu người bịnh chịu nằm trên giường thì hay hơn. Ghế dài là ghế bằng bố hay mây, mà điều cần nhất là nó phải cho êm, cho vừa, chứ không nên hẹp quá hay vắn quá. Ghế xích-đu (ghế chao) là một vật không nên dùng.

Vả lại, nằm nghỉ trên ghế dài thì không tốt lắm. Người bịnh không được nằm dài, vì đầu họ phải ngóc lên, thành nửa nằm nửa ngồi. Nằm như vậy, phổi chuyển-động khó hơn, ngực khó phình ra khi hít hơi vô, vì lưng hơi khòm, vai và đầu bị đẩy tới trước. Vậy nằm trên giường là tốt hơn hết hay là nằm trên « ghế bố », thứ ghế chưn tréo, trên đóng bằng tấm bố dài—có người gọi « *giường bố* » — như bên ta thường dùng mà thế cho giường cũng đặng.

Họ phải nằm trong một phòng rộng-rãi, cửa sổ mở toát ra.

(Xem tiếp trang 20)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 55

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TÔ

CXXXV

KIM-VÂN-KIỀU (bài nối)

Tan sương vừa sáng *ngày mai.* Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh chép là « vừa *rạng* ».

Giầy *song đã thấy Sở-Khanh* bước *vào.*

Đó là theo kinh-bản; các bản khác chép là: « *Đẩy* song đã thấy Sở-Khanh *lên* vào »,

Lạc đàn *mang lấy nợ nần yến anh.* Quan-văn-đường và quyển *Kim Vân Kiều truyện chú* chép là « Lạc *đường* ».

Lặng nghe lầm-nhầm *gật đầu.* Quan-văn-đường chép là: « Lặng *ngồi ngẫm-nghĩa* gật đầu ». Quyển chú-thích chép là: « Lặng *ngồi nghe nội* gật đầu ». Quyển quốc-ngữ của ông Vĩnh chép là: « Lặng *ngồi lầm-nhầm* gật đầu ».

Ta đây phải mượn *ai đâu mà rằng!* Quan-văn-đường chép là: «Ta đây *nào phải* ai đâu mà rằng ». Quyển chú-thích và quyển ông Vĩnh đều chép như kinh-bản của cụ Kiều-oánh-Mậu (*Đoạn-trường tân-thanh,* tờ 28 b) là «phải mượn ».

Ba-mươi-sáu chước, chước gì là hơn. Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *lạ* hơn ».

Song đà quá đổi, quản gì được thân. Cụ Kiều-oánh-Mậu chua: « chữ *đổi* phường-bản viết chữ *đất* thì không phải » (*Đoạn trường tân-thanh,* tờ 28 b).

Đêm thâu khắc vợi canh tàn. Cụ Kiều-oánh-Mậu chua: « chữ *vợi* phường-bản và kinh-bản đều viết là chữ *lậu* thì không phải nghĩa. »

Lối mòn, lướt-mướt hơi *sương.*

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> « *Luật thứ nhất của lòng yêu nước là giữ gìn mối thống nhất cho quốc-gia. Nếu ai cũng đòi theo ý riêng về nghĩa-vụ yêu nước, thì chẳng làm gì có quê-hương, có quốc-gia, chỉ còn có những đảng phái làm mồi cho sự tranh-hùng ích-kỷ. Lòng người đã li-tán tự nhiên chỉ gây ra nội-loạn, xã-tắc phân chia, huynh-đệ bất hòa* ».

Các bản chép là « *cỏ lạt màu* sương ».

Sở-Khanh đã trẽ *dây cương lối nào.* Ông Vĩnh chép là « đã *rẽ* ». Quan-văn-đường chép « đã dắt ».

Một đoàn đồ *đến trước sau.* Quyển chú-thích chép là « *đua* đến ». Ông Vĩnh chép là « *đưa* đến ».

Vuốt đâu xuống *đất, cánh đâu* lên *trời.* Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *dưới* đất, *trên* trời ».

Hàm-hằm *áp điệu một hơi lại nhà.* Quan-van-đường và quyển chú-thích chép là « *ầm-ầm* ».

Uốn lưng thịt *đồ,* cất *đầu máu sa.*

Quan-van-đường chép là: « Uốn lung *núi* đồ (?), *ngóc* đầu máu sa »; quyển chú-thích chép là « Uốn lưng *núi* đồ (?), *cất* đầu máu sa ». Ông Vĩnh chép là: « Uốn lung thịt do, *giập* đầu máu sa ».

Chút lòng trinh bạch từ sau cũng *chừa.* Quyển chú thích chép là « *thì* chừa »; ông Vĩnh chép là « *xin* chừa ».

Đón rào *đến mực, nồng nàn mới tha.* Ông Vĩnh chép là « *gạn-gùng* đến mực ». Bạc-*tình nổi tiếng lầu xanh.* Quan-văn-đường chép là « *Phụ*-tình ». *Không dưng chi có* chuyện này trò kia. Quan-van-đường chép là « *người này nọ kia* »; ông Vĩnh chép là « *trò này chuyện kia* ».

Bớt lời liệu *chớ* sàn-si thiệt *đời.* Quan-văn-đường chép là « Bớt lời *thôi* chớ *nói chi nước* đời »; ông Vĩnh chép là: « *Liệu nần-nì,* chớ sàn-si thiệt *đời* ».

Rằng nghe mới *có con nào ở đây.* Quyển chú-thích chép là: « *Mảng nghe rằng* có con nào ở đây »; ông Vĩnh chép là: « *Nghe đồn rằng* »; Quan-văn đường chép là; « *Nhác nghe rằng* »: có người đọc là: « *Nọ nghe rằng* ».

Sở Khanh quát *mắng đùng đùng.* Các bản chép là « *thét* mắng ». Phỉnh *người giầy xuống giếng* khơi. Quan văn đường chép là « *Đem* người giầy xuống giếng *thơi* »; quyển chú-thích và quyển ông Vĩnh cũng chép là « *Đem* » nhưng chữ *thơi* chép là chữ *khơi.* Cụ Kiều oánh Mậu chua rằng: « Văn Hàn Dũ có câu « Tễ nhân nhập tỉnh, hựu tòng nhi há thạch yên », nghĩa là đẩy người vào giếng, lại theo mà bỏ đá xuống ». Chữ *khơi* nghĩa là sâu, như tiếng bể khơi, vũng khơi. Giếng *thơi* nghĩa là giếng hoang, giếng cạn không phải nghĩa. »

(Xem tiếp trang 19)

hê bình

VIỆT-NAM THI CA LUẬN

của Lương Đức Thiệp

CHU - THIÊN *viết*

TÔI đã được đọc cuốn « *Việt-nam thi ca luận* » của ông Lương-đức-Thiệp do nhà Khuê-văn ở Hanoi xuất-bản. Đấy là một cuốn sách lược - luận về thi ca Việt-nam hiện giờ. Với hơn trăm trang giấy, ông Lương-đức-Thiệp đã khéo đưa ta nhận thấy rõ-ràng:

1) Nguồn gốc thi-ca Việt-nam.

2) Thơ Việt-nam hiện-đại.

3) Tính cách thơ Việt-nam xưa.

4) Và chủ-trương của ông về thi-ca.

Ở phần nào ông viết cũng rành rẽ, tuy có phần sơ lược, nhưng vẫn đủ cho người xem dễ thấu nhận vì ông đã dựa theo một quan-điểm vững-vàng : *lấy thực-tế làm nền tảng, lấy tình-cảm làm mẫu-mực*. Ông lại chịu khó nhận xét các nhà thơ hiện giờ qua các tác phẩm của họ, rồi ông chia ra từng phái để định giá họ trên thi-đàn. Về chỗ này, tôi thấy ông ngay thẳng và công-bình hơn phần nhiều nhà phê-bình khác vì cảm-tình mà quá khen hoặc quá chê các nhà thơ đương-thời. Tôi xin đan-cử một đoạn nói về Hàn-mặc-tử (trang 51-54) làm bằng cho lời nói ấy :

« ....Cái cảm - giác xiết bao hùng rợn chỉ để lại được đôi chút dấu-vết trong tác-phẩm của ông. Ông không truyền nổi nó sang được vần thơ ! Xét toàn-thể ông (qua những bài thơ), người ta cũng cảm ngay được sản-phẩm của ông còn nhiều « *nhân-tạo* ». Khí thơ trong ông dẫu có dài, nhưng tài nghệ của ông đã bất lực...

« Chúng ta lấy bình-tĩnh và công bằng mà kết luận : ông cũng chỉ là một thi-sĩ bình-thường. Ông chưa phải một thi-sĩ vĩ-đại, dầu cái đau-khổ của ông vĩ-đại hơn hết tất cả đau-khổ của bao thi-sĩ tự cổ chí kim, từ Đông sang Tây. Những thi phẩm của ông về trước thời kỳ ông lâm-bệnh đã chứng tỏ điều xét nhận này. Thi-phẩm của ông gần đây, cũng không phản-đối điều ấy.

« Biết qua thân-thế ông, biết đến bệnh-hoạn ông, ai không ngậm-ngùi. Nhưng định giá-trị ông, — tức định - giá nghệ - thuật — ta phải vô-tư. Nghĩa bạn bè, cảm-tình cá-nhân đặt vào đây không phải chỗ. Nhu cầm không giúp ta nhìn rõ sự-thực. Và chỉ sự định giá được xác đáng về ông mới nâng nổi giá-trị ông lên thôi ».

Thật vậy, chỉ những lời phê-bình xác-đáng mới nâng nổi giá-trị nhà thơ. Còn những lời tâng bốc quá đáng, những dư-luận ồn-ào huyên-tạc, thì làm cho độc-giả xa dần. Giữa lúc người ta chực nhận cái chết của Hàn mà làm cho to chuyện, thì những lời nhận xét trên kia thật cũng đã làm vừa lòng các bạn độc-giả và khiến ta thêm yêu Hàn-mặc-tử hơn trước.

***

Nhưng chỗ dụng - công nhất của tác-giả có lẽ ở phần thứ tư. Sau khi tìm nguồn-gốc thi-ca, chia loại và phê phán các phái thơ, và xét tính-cách thi-ca Việt-nam xưa nay, tác-giả đưa ra cái chủ-trương về thơ : Thi-sĩ phải lấy tình-cảm làm trụ cột cho thơ. Những tình - cảm ấy phải thế nào ? Nguồn cảm-xúc phải gợi ra theo thực tế và được phóng-túng theo nghệ-thuật. Thi-sĩ phải định lấy một triển-vọng xa vời về nghệ-thuật, và do đây một viễn ảnh rộng-rãi về thi-ca.

Ta lại hay nghe tác-giả định nghĩa về thơ :

« Mục đích của thơ hướng về sự phát-huy tất cả năng-khiếu khả cảm của con người toàn-thể. Thơ phải bao gồm các tính cách của Nhạc và Họa. Nó phải luôn luôn tựa trên nền tảng vật-chất : tâm-hồn thi-sĩ, giác quan thi-sĩ và sự vật chung-quanh (hoàn-cảnh xã-hội và hoàn-cảnh thiên-nhiên).

« Nó xa lánh hết thảy ý-niệm tuyệt đối và quan-niệm siêu hình.

(Xem tiếp trang 19)

THƠ QUÍ NGÂM, BÌNH

(Đặc trích trong tập "Nam đàn bát châu")

Tùng-Vân NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

« Tầu mã khan hoa. » Đó là lời phàn-nàn những người xem hoa không phải cách. Ôi ! ruồi ngựa xem hoa, nhanh thì có nhanh đấy thật, song hỏi đến tinh thần hoa, cốt cách hoa, thái-độ hoa, ý-vị hoa thế nào, thì người ấy chửa tất đã trả lời được, hay là trả lời một cách sai-lạc. Rồi kết-quả đến cuộc phẩm-bình hoa một ngày một thấy sơ-sài học-thuật trồng hoa một ngày một thấy vụng-về, khiến cho làng hoa tịch-mịch ít phần tiến-bộ, sự đó tại ai ? Hoa thực như vậy, thơ cũng khác gì. Hoa phải đợi có người xem. Thơ phải đợi có người ngâm bình.

Cách « ngâm thơ » thế nào ? — Ngâm đọc một cách giãi-dệ, có điệu cao điệu thấp, chữ nhạt chữ thưa mà hơi-giọng tiếp-tục, thường có dư-âm, khiến cho tinh-thần thơ, ý-vị thơ phát-hiện ra ở trong khi ngâm đọc. Cách ấy thường dùng về những khi thong-dong nhàn-nhã. Cần phải đọc đi đọc lại hai ba lần ; nếu đắc-ý thưởng-thức, thì đọc bao nhiêu lần, cũng chửa chán.

Cách « bình thơ » thế nào ? — Cách bình thơ cũng do cách ngâm thơ mà ra. Duy cách bình thơ là dùng về những lúc nghiêm trang, như khi ở trên văn-đàn đối với thầy bạn, đọc lên cho số nhiều người nghe. Cho nên cách đọc phải đường-hoàng vỡ-vạc, khiến cho ý nghĩa thơ, phẩm-giá thơ tỏ rõ trong khi bình luận.

Cách ngâm thơ, bình thơ cũng phải luyện-tập về lúc bình-nhật mới quen. Nếu tự chốn gia-đình cho đến trường giáo-dục, hoặc bộ câu-lạc, nhất là trên chỗ văn-đàn thường phổ-cập được cái thú ngâm thơ bình thơ, thì thơ tự-nhiên tiến-bộ một cách thong-dong thuần-túy, chẳng hẹn mà nên. Nếu trái lại, tuy có thơ, nhưng không có người ngâm thơ, bình thơ, thì tựa hồ không có thơ ; làng thơ tiến-bộ sao được ? Nói thế tưởng không phải là quá đáng vậy.

Bởi vì thơ là một vật có cách điệu có thanh âm, nên thong dong gõ lên mà thử, lắng tai mà thưởng. Lại là một vật có tinh-thần, có pháp-độ, có ý-vị, có lý-thú, ưa ngâm-nga, ưa bình-luận.

Hà-đông NGUYỄN ĐÔN PHỤC

Giúp hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ là đưa dân nghèo lên con đường sáng.

MỘT CUỘC THI RẤT LÝ-THÚ

trong số xuân Tri-Tân 1943 (Quý-mùi)

Các bạn muốn mua vui trong dịp tân xuân ?

Các bạn muốn tìm thú tiêu-khiển thanh-tao trong những lúc hoa cười, pháo nổ ?

Các bạn muốn tỏ cái ho hứng yêu-chuộng thơ văn ?

Các bạn nên dự thật đông vào một cuộc thi rất nhã và rất giản dị do *TRI-TÂN* tổ-chức !

ĐẦU BÀI ? — THỂ LỆ ?

→ Xin đón coi ở *Số xuân Tri-Tân* (Quý-mùi, 1943), các bạn sẽ rõ.

KHOA THI HƯƠNG NĂM TÂN-MÃO

Tiên-Đàm NGUYỄN-TƯỜNG-PHƯỢNG

(Tiếp theo)

VIỄN tổ họ ấy là Trần-Cần người xã Thái-bạt, huyện Bất-bạt, phủ Quảng-oai, tỉnh Sơn tây, con ông Trần-Văn-Huy, đỗ năm 28 tuổi. Phụng mệnh đi sứ Tàu; năm đầu niên hiệu Cảnh-thống (1498) đời Hiến-Tôn, làm quan Lại-bộ Thượng-thư sung chức đề-điệu. Năm Kỷ-mùi (1499), cha con cùng làm thủ ban; năm Tân-mùi (1511) hiệu Hồng-thuận thứ ba, cháu là Trần-Tuân làm loạn, bị Mỹ-huệ hầu là Trịnh Duy Sản giết, con cháu phải đổi ra họ Đặng di-cư sang làng khác, đỗ đại-khoa rất nhiều.

Một chi ở xa Thượng Yên-quyết, huyện Từ-liêm, là con cháu Đặng công Toản, từ Thượng Yên-quyết một chi sang ở xã Phù-đổng huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh, là con cháu Đặng-công-Chất, một chi ở xã Vân-canh, huyện Từ-liêm là họ Lý Trần-Quán và một chi ở Lương-xá huyện Chương-mỹ là chi ông Tán-lý Đặng-Trần-Thường.

Ông Đặng-Trần-Vỹ làm quan đến Tổng-đốc Bắc-ninh về tri-sĩ mới mất được mươi năm nay.

Ông cử trẻ tuổi nhất bảng Tân-mão là ông Đặng-Vũ-Hoan, đỗ thứ 50, người làng Hàn-thiện, huyện Giao-thủy tỉnh Nam-định, năm ấy mới có 22 tuổi, văn bài kỳ đệ tam được bình.

Ông cử nhiều tuổi nhất trong bảng này là ông Nguyễn-hữu-Thu, đỗ thứ 13, người làng Tây-tựu, huyện Từ-liêm, tỉnh Hà-đông, năm ấy đã 52 tuổi, kỳ đệ nhất, đệ tam, đệ tứ đều bình.

Xét ra phần đông các quan-lại ở Bắc-Kỳ gần đây là xuất thân ở bảng Tân-mão, nhiều vị làm quan có chính tích hay, có sự nghiệp, đức vọng, văn chương, nếu phải kể từng vị một câu chuyện hơi dài, tôi chỉ xin phép đan cử một vị làm tiêu-biểu là ông: Phạm-văn-Thụ.

Ông Phạm văn-Thụ là ông cử thứ 32 khoa Tân-mão, trước khoa này ông đã đỗ hai lần tú-tài tức ông Kép. Về sau thi hội, đỗ phó-bảng vào khoa Nhâm-thìn (1892).

Ông là người làng Bạch-sam, phủ Mỹ-hào, tỉnh Hải-dương, khoa ấy 34 tuổi, bài thi kỳ đệ nhị và thúc-hạch được bình.

Các cụ nhà nho kể rằng: lúc thiếu thời ông là một nhà nho thanh-bạch, đi dạy học để lấy lương theo học quan Đốc Tô-Huân, người làng Xuân-cầu, huyện Văn-giang tỉnh Bắc-ninh.

Nhà chủ ông ngồi dạy học có tính sẻn, đã nuôi thầy dạy học con nhớn, lại còn nhờ thầy trông hộ cả đứa con nhỏ và về mùa gặt hái phơi thóc, thầy đồ phải kiêm cả việc trông thóc ở sân nữa.

Lúc hàn-vi thì thế, mà khi rồng mây gặp hội thì là một bậc danh thần:

Trong hoạn trường, ông Phạm-văn-Thụ từng làm Liêm phóng-sứ phủ Thống-sứ san định luật Gia-long (398 điều), sung tòa tu thư, chủ bút Đông-Văn nhật báo là tờ báo đầu tiên ở Hà-nội, lại còn có nhiều văn chữ Hán, chữ nôm được truyền tụng. Về sau ông lại được triệu về Kinh giữ chức Lễ-Bộ Thượng-thư và lúc về hưu được tấn phong Nam-tước.

Giở về trên tôi đã kể chuyện một vài ông cử, nay xin phép nói đến các ông tú.

Người đỗ đầu tú-tài khoa Tân-mão là ông Đỗ-Đại, người làng Đại-mão, huyện Siêu-loại tỉnh Bắc-ninh, có chân Ấm-sinh. Sau khi quyền được bộ duyệt lại, ông được lấy thiêm-thủ cử-nhân. Ông Đỗ-Đại du học ở Hà-nội, là học trò cụ Cử Kim-cổ, tính người phóng khoáng, không thích sự bó-buộc, ông lại nói ngọng và hay khôi-hài; có sức khỏe và ăn uống rất giản-dị.

Vốn hàn nho, ông thường nhờ các bạn, nhưng ông lại là một người rất trọng khí-tiết.

Năm Nhâm ngọ (1882) ở Hà-nội có việc binh-cách, trong khi các bạn học bỏ tỉnh thành trốn, ông đã chạy đến phố Hàng Hải cõng thầy học là cụ Cử Kim-cổ chạy ra bờ sông, rồi thuê thuyền đón thầy sang Bắc.

Ông có ra làm giáo-thụ Hoài-đức, mất sớm.

Sau khi hầu chuyện các ngài về thân-thế một vài ông cử, tú. tôi xin giở lại câu chuyện phóng tảng.

Xướng danh chi hậu, các tân-khoa được ăn yến và đi chào các quan tỉnh. Nhân quan kinh-lược sứ Bắc-kỳ lúc ấy là Cụ Hoàng-cao-Khải xuống Nam dự

lễ xướng danh, vốn là người mộ văn học, nên có ban chung cho các ông cử một bài thơ như sau đây:

Dực Chẩn thiên thu tại,
Văn chương vạn cổ tồn.
Nhi kim hoàn hải ngoại,
Cộng thức lục kinh ngôn.
Chu nhã ca minh lộc,
Nam trì khoái dược côn.
Thanh vân dương cộng miễn,
Vô phụ dục tài ân.

Diễn nôm

Nghìn thu non nước ấy,
Muôn thuở bút nghiên này.
Bốn biển nay tuy rộng,
Sáu kinh họ cũng hay.
Hươu Chu ngọt-ngào hát,
Cá Võ vui-vẻ bay.
Giẫn bước thang mây biếc
Nhớ ơn ai dựng gây ...

Rồi bà con, anh em, làng nước xuống Nam đón về.

Trên mặt sông, các thuyền Tân-Khoa, có ông cao hứng đã lấy cái biển cót biên tên cắm cạnh lều phúc-hạch, cắm vào mũi thuyền để khi đến bến, bà con nhận ra mình mà đón tiếp.

Thôi thì chè, chén, đàn hát không sao tả hết nỗi vui.

Những thí-sĩ con nhà giầu sang, mỗi kỳ được vào đều có tin về cho nhà biết, ngày trước gọi là « nhắn nhời » (vì chưa có giây thép).

Nhà kia, ở phố Hàng Bè, có một bà lấm bạn cùng một ông đầu xứ tỉnh Bắc-ninh, năm ấy cũng đi thi; trong khi chung quanh nhà các chị em bàn tán, nhà nọ có người vào, nhà kia có người vào, duy chỉ có nhà mình không có tin-tức gì.

Tháng mười ngày ngắn, hàng ế, nghĩ vừa lo, vừa buồn vì chồng bà đã bốn khoa bay kinh-nghĩa, ra đi một tháng chả thấy có tin gì; trong khi bà đang lo, hết đứng lại ngồi, hết ra lại vào. thì ở đâu lù lù tiến vào, tên người nhà gánh lều, chiếu, chõng, ống quyển và một cái bồ con cọn mới, còn ông chồng bà — ông đầu-xứ — đi theo sau ngất ngưởng, bà vội đon-đả hỏi ngay;

— Thưa ông, đỗ chứ!...

Ông làm thinh, không nói gì, chỉ sẽ thò tay vào bọc rút ra một bánh pháo, rồi đánh diêm đốt vứt xuống gầm ghế ngựa.

Thấy thái độ của chồng như vậy, bà sứ không hiểu ra sao, nửa mừng nửa sợ, phần lại sợ pháo cháy áo, vội đứng lên giường hỏi dồn:

— Ô hay! ông làm gì thế! thi-cử thế nào? Ông cười ha-hả.

— Đỗ rồi, ... Đỗ cử-nhân, ... mũ áo trong bồ kia!

Thấy tiếng pháo nổ, hai bên hàng phố đổ đến xem ai ai cũng mừng ông cử, bà cử; nhưng cái mừng của ba cư chỉ thoảng qua lúc bây giờ thôi, vì sau hai ba ngày khách khứa, bà đã phải lo chạy tiền cho chồng khao vọng và sắm-sửa các thứ ra làm quan (hoi ay đỗ cử-nhân được đi hậu bổ ngay).

Ấy trong khi bà lo thì ở làng kia bên Bắc-ninh trống giong, cờ mở, mấy ông đàn anh khăn áo tề chỉnh, mấy chú tuần phiên miệng thổi tù-và, nách cắp tay thước, rước ông tân khoa về vinh quy.

Thế mới biết cái địa vị của bà cử khi xưa, và của bà mệnh phụ khi xưa, các bạn gái đã phải mua bằng một giá rất đắt, nào nuôi chồng an học, nào lo khao vọng, vinh quy, người đời tưởng chị em nào cũng được «võng anh đi trước, võng nàng theo sau» nhưng đó là sự hiếm vì khi trước các bà cử, bà nghè còn phải lo .... lo hết cả các việc thay cho chồng.

Công lao như thế mà đến khi được nên ngôi đài các có dám quên mình là bà sứ, bà cử đâu! Cái danh hiệu « bà lớn » một đôi khi có người gọi đến vẫn lấy làm ngượng nghịu mà cái mũ áo mệnh phụ của nhà vua có chang cũng chỉ để mặc một lần trong cả một đời thôi!

Các chị em bạn gái ngày nay, thật đã may hơn và sung sướng hơn các chị em ngày xưa vì có nhiều chị em không phải thắt lưng buộc bụng, buôn bán ngược xuôi, để nuôi cái ông « dài lưng tốn vải an no lại nằm kia » (5), thế mà ngôi mệnh phụ đường đường nhiều chị em đã được hưởng bằng một cách dễ dàng, phải chăng vì thế mà người đời có câu « làm quan tắt » vậy.

Thưa các bà, các ngài,

Trường thi hương Nam-định nay đã dùng là bãi tàu bay, nghĩa trang hội Thiện ở Bắc-kỳ chúng đã đoạn tuyệt với khoa cử từ khoa Ất-mão (1915) khoa thi cuối cùng.

Chuyện khoa-cử đã thuộc về phạm vi lịch sử nhu

(Xem tiếp trang 14)

BÀI CHÍ HỒ NÚI BA-BỂ

NHẬT-NHAM

Trong Tri-Tân số 70, tôi đã nói đến tấm bia đá dựng trên bến Keo-sin hồ Ba-bể, một tấm bia vì theo thời-gian, chữ khắc mòn mờ không còn giúp ích gì cho du-khách muốn biết tới lịch-sử Ba hồ được nữa. Nhân thấy trên mặt bia có ghi tên ông Vi-văn-Thượng,— trước làm Tri-châu Chợ-Rã mà hiện thời Tri-phủ tri-sĩ ngay tại châu-lỵ Chợ-Rã,— nên sau khi về tới Hanoi, tôi viết thơ cho ông nhờ khảo giúp bài bia Ba-bể. Thì may thay! ông còn giữ được nguyên-bản. Vậy xin sao dịch dưới đây để các bạn nhàn-lãm và để một khi Chính-phủ trùng-tu lại tấm bia hồ Ba-bể được dễ đường tra-cứu. Tiện đây xin thành-thực cảm-tạ ông Vi-văn-Thượng.

Diễn âm

Tam-hải hồ sơn chí

Bắc-kạn tỉnh hoàn thành giai sơn tằng giản chướng điệp. Chùng nhiễu la liệt, tỉnh chi tây-bắc, hình vưu kỳ quật, nhi đương chung độc tú, vi sơn-thủy chi nhất đại-quan giả : Tam-hải hồ sơn dã. Tam-hải hà dĩ danh?

— Hồ thủy tương liên, như mã quỵ hình, cố danh. Chung đột tiểu sơn viết : Mã-yên-sơn, sơn hữu phật-tự, bất tri tự hà thời-đại? Dị hĩ tai! Sơn dĩ hải thắng, hải khả tiểu, nhi sơn khả ngư. Tạo-vật nhược biệt chữ giai cảnh, dĩ vi du-nhân thiết dã. Hồ đầu hữu động, động chung hữu khê. Phàm do giang nhập hồ giả, tu phiếm chu. Quá thử, thạch bình luỡng bích, thủy bất ly sơn, thâm nhi bình, khúc nhi quang, quỷ khắc thần ngoan, sảo diệc chi hỹ!

Địa cựu thuộc. Thái-nguyên tỉnh, Bạch-thông châu ; tự tỉnh-lỵ tân thiết hậu, phủ lệ ư Chợ Rã châu trị, khứ niên xuân, dư lai tư-thổ, lạm ưng phương-diện chi-kỳ, biến lãm sơn xuyên, nhân nhi đắc thắng yên. Phỏng chi thổ-nhân ; Cố-lão hữu cáo dư viết :

— « Tương-truyền : Nam-môn xã, Đầu-đẩng thôn, Năng-giang nhất đoạn, luỡng ngạn diên sơn, nhất nhật sơn hốt băng, giang toại tắc, thượng lưu thủy ứ, dật xuất, khích thành hồ khẩu, nhi Nam-môn xã lục chầm. Cái tự Hậu-Lê-Bảo thái niên-gian sự dã (tây nhất thiên nhất bách niên tiền hậu). Lê-mạt thập nhị quận-công, tiểu bắc Hoàng-Lão-Tả bối, quân tuẫn-tiết vu thử-kim hoàn hồ nhi cư giả, Nam-mẫu xã giả, hoặc Nam môn chi di dân dã. »

Nguyên văn

洪山而海之殲彼豺狼惟好施一老嫗幸免于禍出得蛟竜化癩人形所據嶋也湖中数高臯即嫗當日避居之遺蹟焉顧余思之桑田滄海乃或然之天数前之一說固足有所憑信若後之說其事隣於荒誕然能勸善懲惡亦假神道以設教之深意也始並存之且我國边疆是最阨要處而黎臣之忠烈則於靈史上有大影響雖舊無碑誌不可考而迄今感吊猶想見英雄豪傑之風可與此湖山而俱傳矣況風會日開道路日開昔為盜賊藪今為名勝區而湖之名益顯于世界辰運轉移之勢也寔惟 國家經理之力也却可惜者此地登臨不少而題詠則前無古人抑江山若有待耶余於是乎有感感之不能無言於是乎有誌誌之而不容已 於是乎有詩 黎莫爭波久已平。烟雲如昨一湖清。休論桑海無窮事。見說蛟人有化形。劍馬英雄空凈地。仙竜山水自餘靈。祇今岸松濤響。猶似當年破賊聲。 啟定玖年甲子孟春

光祿寺少卿北洲省按察使 禮部尚書 潘廷楷擬題 駐野州知州帝文尚奉誌

Hựu hữu cáo dư viết :

— « Truyền văn cổ thời thị xứ thổ-dân, mỗi thiết lam giả hội, giả Phật-đạo dĩ võng lợi ; dân chi bất đức, thiên giáng chi ương : lôi oanh, điện siết, vũ tật, phong cuồng, khoảnh khắc địa hãm, nhất thủy mông dương, sơn nhi hải chi, tiêm bỉ sài lang! Duy hiếu thi nhất lão-ẩu, hạnh miễn vu họa, xuất đắc giao-long hóa lại nhân-hình, sở dự chúc dã. Hồ trung sở cao-phụ, tức ẩu đương nhật tị cư chi di-tích yên. »

chữ hán

三海湖山誌

北洲省環城皆山層澗漳疊重綫羅列省之西北形尤奇崛而當中獨秀為山水之一大觀者三海湖山也三海何以名湖水相連如馬跪形故名中突小山曰馬鞍山有佛寺不知自何辰代異矣哉山以海勝海可樵而山可漁造物若別儲佳境以為遊人設也湖頭有洞洞中有溪凡由江入湖者須泛舟過此石屏兩壁水不離山深而平曲而光鬼刻神頑巧亦至矣地舊屬太原省自通州自省莅新設後甫隸於助野州治去年春余來斯土溢膺方面之寄遍覽山川因而得勝焉訪之土人故老有告余曰相傳南門社頭党村能江一段兩岸沿山一日山忽崩江遂塞上流水淤溢出激成湖口而南門社陸沈蓋自後黎保太年間事也(西一千一百年前後) 黎末十二郡公勦北黃老左輩均殉節于此今環湖而居者南畝社也或南門之遺民也又有告余曰傳聞古辰是處土民每設藍伽冒假伏道以罔利民之不德天降之殃雷轟電掣雨疾風狂頃刻地陷一水汪

Cổ dư tư chi : tang điền sương hải nãi, hoặc nhiên chi thiên-số. Tiền chi nhất thuyết, cố túc hữu sở bằng tín. Nhược hậu chi thuyết, kỳ sự lân ư hoang đản ; nhiên năng khuyến thiện trừng ác, diệc giả thần-đạo dĩ thiết giáo chi thâm ý dã. Cô tịnh tồn chi.

Thả, ngã-quốc biên-cương, thị tối ách-yếu xứ. Nhi Lê-thần chi trung-liệt tắc ư lịch-sử thượng hữu đại ảnh-huởng. Tuy cựu vô bi-chí bất khả khảo ; nhi hất kim bằng điếu, do tưởng kiến anh-hùng hào-kiệt chi phong, khả dữ thử hồ sơn nhi câu truyền hĩ. Huống phong-hội nhật khai đạo lộ nhật khai, tích vi đạo tặc tẩu, kim vi danh-thắng khu, nhi hồ chi danh ích hiển vu thế-giới. Thời-vận chuyển di chi thế dã ; thực duy quốc-gia kinh-lý chi lực dã.

Khước khả tịch giả : thử địa đăng lâm bất thiểu, nhi đề vịnh tắc tiền vô cổ-nhân! Ức-giang sơn nhược hữu đãi gia? Dư ư thị hồ hữu cảm, cảm chi bất năng vô ngôn, ư thị hồ hữu chi, chi chi nhi bất dung dĩ, ư thị hồ hữu thi : *Lê, Mạc, tranh ba cửu dĩ bình. Yên vân như tạc, nhất hồ thanh. Hựu luân tang hải vô cùng sự, Kiến thuyết giao nhân hữu hóa hình. Kiến mã anh-hùng không tĩnh, địa, Tiên long sơn thủy tự dư linh. Chỉ kim cách ngạn tùng đào hưởng, Do tự đương niên phá tặc thanh!*

Khải-Định cửu niên Giáp-tí mạnh xuân Quang-lộc tự-thiếu-khanh Bắc-kạn tỉnh Án-sát-sứ (Nam-đình Lễ-đình) Phạn-Đình-Hòe nghĩ ở Chợ-Rã châu Tri-châu Vi Văn Thượng phụng chí.

(Xem tiếp trang 21)

Khoa thi hương năm Tân-mão (1891)

(Tiếp theo trang 11)

« óc khoa cử » vẫn còn trong đám trí-thức hiện kim, cho nên vấn đề khoa cử chưa hẳn đã là một chuyện cổ-hủ không đáng bàn-đến.

Khi trước sĩ phu trong nước chỉ có một lối xuất thân là thi đỗ làm quan, ai có đi qua đường ấy mới gọi là chính-đồ, rồi cả một đời vinh hoa cũng là nhờ ở đấy. Bởi vậy từ trẻ đến già chỉ xu-hướng lối học từ-chương, tầm chương, trích cú, lại còn say mê bảng vàng, bia đá đến nỗi có người long-đong cả một đời không giúp ích được gì cho nhà cho nước cả!

Cổ-nhân cũng đã nhận thấy cái tệ của khoa-cử nên trong Hạnh-Am van-tập, xử sĩ La-Sơn là Nguyễn-Thiệp đã than rằng : « Cái học chân chính thì thất truyền, người ta đua nhau đổ xô theo thói từ chương, danh lợi ».

Nhưng nếu ta chỉ một mực chê trách khoa-cử chưa hẳn đã là công bình, vì trải qua bao nhiêu triều đại phải chăng nhờ có khoa cử lựa lọc nhân tài đào tạo sĩ-phu mới có những người trọn được tiết tháo, vẹn được cương thường, xa như : Mạc-đĩnh-Chi, Chu-văn-An, Nguyễn-bỉnh-Khiêm, gần như Nguyễn-công-Trứ, Phan-thanh-Giản, Hoàng Diệu thế thì khoa cử không phải là không có ích.

Cho nên khen hay chê là quyền ở công luận, nhưng nên tùy từng trường hợp, trí hướng, tại-người, phải đâu tại việc qui tội cho khoa cử thì sự phán đoán chưa hẳn đã đúng vậy!

(5) Ở bài phú của ông Bảng Lê-qui-Đôn.

Phụ lục

Bảng cử nhân khoa Tân-mão (1891) (1)

1) *Đặng trần Vỹ* 27 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Trung tựu, nhất nhị bình, tam : ưu, phúc hạch : bình làm quan đến Tổng-Đốc.

2) *Lê vĩnh Điện* 44 tuổi, Hà nội, Thanh oai, Hùng giáo, nhất nhị bình, phúc hạnh ưu, đã đỗ hai khoa tú tài sau đỗ tiến-sĩ.

3) *Trần huy Côn* 25 tuổi, Bắc ninh, Gia lâm, Bản trường bốn kỳ đều bình.

4) *Phạm duy Du* 37 tuổi, Thái bình, Quỳnh côi, Cân bạn, nhất, tam, tứ bình, có chân ấm-sinh, hai khoa tú tài.

5) *Nguyễn ngọc Du* 33 tuổi, Nam-định, Giao thủy, Vũ lao, nhất bình, phúc hạch ưu, có chân tú tài.

6) *Nguyễn Trác* 43 tuổi, Bắc ninh, Đông ngàn, Niêm xá, nhất, tam, tứ bình.

7) *Ngô giáp Đậu* 39 tuổi, Hà nội, Thanh oai, Tả thanh oai, nhất, tam, tứ bình, làm quan đến đốc học.

8) *Trần Mỹ* 31 tuổi, Hải dương, Vĩnh bảo, Cổ am nhất, nhị bình, phúc hạch bình, có chân tú tài, làm quan đến tuần phủ.

9) *Nguyễn xuân Khôi* 49 tuổi, Ninh bình An ki ánh, Công thủy, nhị, tam tứ bình

10) *Nguyễn triết Thành* 36 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Thịnh liệt giáp tứ, nhất, tam, tứ bình.

11) *Vũ duy Đề* 43 tuổi, Hải dương, Năng an, Mộ trạch nhất, nhị, phúc hạch bình, làm quan đến tri phủ.

12) *Bùi Bành* 24 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Thịnh liệt giáp nhị, tam, tứ bình, có chân tú tài, làm quan đến tuần phủ.

13) *Nguyễn hữu Thu* 52 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Tây tựu nhất, tam tứ bình.

14) *Vũ hữu Thức* 28 tuổi, Hà nội, Từ liêm, An lộ, đệ nhất ưu.

15) *Nguyễn chí Đạo* 33 tuổi, Bắc ninh, Tiên du, Nội duệ, đệ nhất ưu, làm quan đến án-sát.

16) *Đặng hữu Hách*, 28 tuổi, Nam-định, Giao thủy. Hành thiện, nhất, nhị bình.

17) *Trần Thông* 43 tuổi, Sơn tây, An sơn, Thượng hiệp nhất, tam bình, đã đỗ hai khoa tú tài.

18) *Ngô văn Bình* 38 tuổi, Bắc-Ninh, Đông ngạn, Lộc hà nhị, tam bình, có chân tú tài.

19) *Liễu ngọc Quang* 34 tuổi, Hà nội, Thượng phúc Nhị khê nhất tam bình.

20) *Nguyễn huy Nhuận* 32 tuổi, Bắc ninh, Đông ngạn, Dục tú nhất, nhị bình.

21) *Phạm văn Khang* 34 tuổi, Hải dương, Tứ kỳ, An lạc nhất, nhị bình.

22) *Nguyễn hữu Ích* 33 tuổi, Hà nội, Từ liêm Tây mỗ, nhất, nhị bình, làm quan đến tuần-phủ.

23) *Nguyễn đạo Quán* 25 tuổi, Bắc ninh, Văn giang, Xuân cầu, nhất, nhị bình, sau thi hội đỗ phó-bảng làm quan đến thương tá.

24) *Nguyễn Toại* (Tụy?) 33 tuổi, Hà-nội Thượng phúc, Nhị khê, nhất bình, phúc hạch bình.

25) *Phạm hữu Thanh* 42 tuổi. Nam-định, Vụ bản, Trung phú, nhất nhị bình, có chân tú-tài.

26) *Vũ như Luông* 26 tuổi, Hải-dương, Năng an, Phú khê, tam tứ bình.

27) *Phạm hữu Hoán* 35 tuổi, Hải-dương. Năng an, Lương ngọc, tam tứ bình, có chân tú-tài.

28) *Nguyễn hữu Thái* 34 tuổi, Hà-nội, Từ liêm, Mai-dịch, nhất tam bình.

29) *Lý ấp Mai* 37 tuổi, Hà-nội, Thanh-oai, Đại định Đan thầm, nhất tam bình, đã đỗ hai khoa tú tài làm quan đến tri-huyện.

30) *Đào sĩ Vưu* 49 tuổi, Hải-dương, Vĩnh bảo, Cổ am, nhất bình, phúc hạch bình.

31) *Bùi duy Hòe* 26 tuổi, Hải-dương, Vĩnh bảo, Cổ am, nhất bình, phúc hạch bình.

32) *Phạm văn Thụ* 34 tuổi, Hải-dương, Mỹ hào, Bạch sam, nhị bình, phúc hạch bình, đã đỗ hai khoa tú tài sau đỗ phó bảng làm quan đến thượng-thư.

33) *Phạm Trà* 34 tuổi, Hà-nội, Thanh oai, Đại-định, nhất nhị bình.

34) *Vũ đức Đản* 29 tuổi, Nam-định, Giao thủy, Hành thiện tam tứ bình có chân tú-tài.

35) *Nguyễn văn Chi* 34 tuổi, Sơn tây, Thạch thất, Hương ngải, tam bình, phúc hạch bình, có chân tú-tài.

36) *Phó huy Nhu* 33 tuổi, Bắc-ninh, Văn giang, Đa ngưu nhất, nhị bình, có cửu phẩm văn-giai.

37) *Phạm Chúc* 36 tuổi, Ninh-bình, An khánh, Hiếu thiện, nhị tam bình.

38) *Lê văn Ân* 46 tuổi. Nam-định, Nam trực, Hưng-nghĩa, tam tứ bình, có chân tú-tài.

39) *Tạ văn Cán*, 39 tuổi, Hà-nội, Đan phượng, Thu quế, nhất bình, phúc hạch bình, sau thi hội đỗ tiến-sĩ.

40) *Nguyễn Chân* 39 tuổi, Hà-nội, Thượng phúc, Hoành phúc, Lộc dư, nhất bình phúc hạch bình.

41) *Lê đình Lục* 24 tuổi, Sơn tây, An sơn, Cấn xá, nhất nhị bình làm quan đến án-sát.

42) *Nguyễn đình Chuẩn* 23 tuổi, Hải-dương, Mỹ hào, Phù ủng, nhất bình, phúc hạch bình, có chân tú tài làm quan đến tuần phủ.

43) *Nguyễn Soạn* 43 tuổi, Hưng hóa, Thanh thủy, Thạch đồng, đệ tam bình.

44) *Nguyễn Nhuận* 44 tuổi, Hà-nội, Từ-liêm, An lãng, đệ tam bình.

45) *Nguyễn như Quản* 39 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Duyên trường, đệ tam bình.

46) *Đỗ dự Trâm* 37 tuổi, Nam định, Giao thủy, Hải huyệt tứ thôn, đệ tam bình.

47) *Lê văn Tảo* 24 tuổi, Thái bình, Thanh quan, Thượng tầm, đệ tam bình, có chân tú tài làm quan đến án-sát.

48) *Phạm xuân Hòa* 28 tuổi, Thái bình, Trực định, Vũ lang, đệ tam bình.

49) *Nguyễn Quyền* 35 tuổi, Hà nội, Sơn lãng, Quảng nguyên, đệ tam bình, có chân viên-tử làm quan đến huấn-đạo.

50) *Đặng vũ Hoan* 22 tuổi, Nam định, Giao thủy, Hành thiện, đệ tam bình

51) *Phó thành Tư* 35 tuổi, Bắc ninh, Văn giang, Đa ngưu, đệ nhị bình, có cửu phẩm văn giai.

52) *Phạm huy Ngọc* 52 tuổi, Thái bình, Thư trì, Mỹ bồng, đệ nhị bình, có chân tú-tài.

53) *Trần xuân Dục* 32 tuổi Nam định, Trực ninh, Duyên lãng, đệ tam bình.

54) *Vũ xuân Du* 33 tuổi Nam định, Trực ninh, Doanh hạ thôn, đệ nhị bình.

55) *Phan đắc Tuấn* 33 tuổi, Thái bình, Vũ tiên, Tống vũ, đệ nhị bình

56) *Trần bình Hành* 34 tuổi, Nam định, Vụ bản, Tiên hương, đệ nhị bình.

57) *Nguyễn San* 28 tuổi, Bắc ninh, Vũ giang, Thị cầu, đệ nhị bình.

58) *Nguyễn Sĩ* 37 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Duyên trường, đệ nhị bình.

59) *Phạm xuân Khanh* 43 tuổi, Thái bình, Trực định, Nam huân, đệ nhất bình.

60) *Nguyễn Nhạ* 31 tuổi, Bắc ninh, Tiên du, Hoà bão thượng thôn, đệ nhất bình, có chân tú tài làm quan đến Tri huyện.

61) *Nguyễn duy Đoan*, 27 tuổi, Hà nội, Đan phượng, Sơn đồng, đệ nhị bình.

TÙY HỨNG

Rừng sớm

Mây phong trắng một rừng thu,
Nắng gieo đỉnh núi, gió ru chân đồi.
Lau ngàn lả lướt bên soi,
Tiếng chim ríu-rít phương trời mộng-thơ.

Rừng chiều

Non tây, đứng rũ ánh vàng,
Sương chiều buông lạnh một làn trắng phau.
Chim rừng vỗ cánh bay mau,
Giòng sông man-mác, ngàn lau xạc-xào.

Rừng đêm

Mờ-mờ khói tỏa rừng cây,
Hơi thu hiu-hắt, áng mây lạnh-lùng.
Vắng teo nước lặng, non cùng,
Nửa đêm mưa gió một vùng hoang-thôn.

Bà MỘNG-SƠN

Đường làng

Nhỏ hẹp đường làng cát trắng phau,
Viền xanh nếp cỏ dịu êm màu.
Nắng tô vàng nhạt lần men loáng,
Phản ánh, đường tung những hạt châu.

***

Lòng đã từng ghi muôn dấu chân.
Của bao thôn-nữ sống chuyên cần.
Tảo-tần khuya sớm quên sương gió,
Quên cả đời riêng một suối xuân.

Bà CẨM-LAI

Ông Nghè tháng tám

Cân-đai ra dáng bậc văn-thần,
Cờ biển ơn vua rạng tấm thân.
Bia đá, bảng vàng nên vẻ quí,
Hình nan, áo giấy rẻ vô ngần.

VÂN-THẠCH

62) *Phạm-Diễm* 29 tuổi, Hà nội, Thanh trì, Đông phủ liệt, đệ nhất bình, làm quan đến tri phủ.

63) *Trần văn Tức* 46 tuổi, Thái bình, Thụy anh, Hồ đội, đệ tam bình - phúc hạnh bình, đỗ ba khoa tú tài.

64) *Nguyễn quang Mậu* 24 tuổi, Nam định, Nam trực, Tang trữ, nhất, nhị, tam bình.

65) *Nguyễn huy Bích* 39 tuổi, Hà nội, Từ liêm, Vạn phúc, đệ nhất bình, đã đỗ hai khoa tú tài

Năm ng rời lấy thiêm thủ cử nhân

66) *Đỗ Đại* Bắc ninh, Siêu loại, Đại mão có chân ấm-sinh, làm quan đến Giáo thụ.

67) *Vũ thiện Đề* Nam định, Giao thủy, Bách cốc, về sau thi hội đỗ phó bảng làm quan đến tuần phủ.

68) *Nguyễn duy Nhiếp* Hanoi Thanh trì, Kim lủ làm quan đến án-sát.

69) *Vũ tiến Cơ* Thái bình, Trực nội.

70) *Nguyễn văn Thụy* Hưng-yên, Viên-quang.

Bảng cử-nhân này chúng tôi theo các tài-liệu đã sưu-tầm được, chắc còn nhiều chỗ sơ lược, và thiếu thốn, mong các ngài là con cháu các cụ ở trên đính-chính cho — Vạn tạ.

Muốn làm giàu, mua vé số
Đông-Phap
1p.00 một vé

Tư mã Thiên...

(Tiếp theo trang 3)

12 *bản kỷ*, trong chép về lịch sử và công việc các đế-vương (tức là từ Hoàng-đế đến Hán-Vũ).

10 *niên biểu*, trong có ghi năm và tháng, so sánh những việc cùng thời hay khác đời, bày tỏ những niên đại có quan hệ đến lịch-sử.

8 *thư*, trong chép về những loại như lễ nhạc thêm bớt, luật lịch đổi thay, binh quyền xếp đặt, núi sông hiểm dễ, và sự giao thông giữa người cùng trời và quỷ thần, tóm lại là những việc có liên lạc đến chính sự, đến kinh tế.

30 *thế gia*, chép về thế-hệ các nhà công hầu là những bầy tôi chân tay vừa-giúp nhà vua, ví như nhỉ thập bát tú chầu sao Bắc-thần, 30 tay-hoa chung vào một ổ trục xe.

70 *liệt truyện*, chép về kẻ sĩ và thứ dân biểu-dương những người tài đức nhân thời thế, giúp đại nghĩa, lập công danh giữa thiên-hạ.

Tác-giả *Sử-ký* có những chỗ trác tuyệt như liệt Khổng-tử vào *thế-gia*, kể Hạng Vũ vào *bản kỷ*, tỏ ra cân lạng công bình, không luận người theo chỗ thành, bại.

Nhưng tựu trung cũng có một vài khuyết-điểm như suy-tính về thời-đại và niên-thứ còn có chỗ chưa đúng. Và sử-gia Tư-mã Thiên cũng không tránh khỏi cái khuynh hướng về chủ-quan, coi lịch-sử có một tính-cách : dùng để dạy dỗ người đời, khuyên lành, răn dữ...

***

Dưới đây tôi xin giới-thiệu những lời của mấy học-giả phê-bình về Tư-mã Thiên :

1) Phép chép của Thái-sử công : ý trỏ thì sâu xa, ký-thác thì dai dẳng-dặc, mầu-nhiệm mà tỏ-rõ, ngừng-dứt mà liền-nối, chính-thường mà quyền biến ; văn đặt ở đây mà ý nảy ở kia, như cá rồng biến-hóa, không thể dò tìm tung-tích được — *Lã Tổ-Khiêm (Sử ký bình lâm).*

2) Sau Khuất-Nguyên và Tống-Ngọc, có văn Tư-mã Tử-trường là hồn-phác nghiêm-túc, cuồn-cuộn như sông dài, thăm-thẳm như hang lớn, dò không cùng, tóm không hết, chất chứa được trăm nhà, bao-gồm được muôn thủa. — *Mao Khôn (Sử ký bình lâm).*

3) Kiến-thực ông cao xa, qui-mô ông rộng rãi, ngay trong các sử-gia Thái tây, thật tôi cũng chưa thấy tay địch-thủ nào hơn ông được. — *Độ-biên Tú-Phương (Trung-quốc triết học sử khái luận).*

4) Ông là một nhà đại lịch-sử thiên-tài, xưa nay ít thấy. — *Cù-Thực (Trung-quốc văn-học sử đại cương).*

HOA-BẰNG

Đính chính

về bài NGÔI MA HOANG đăng T.T. số 75

Trang 19, cột 1, giòng 23 :— doanh hư tiên trương, xin chữa : doanh hư tiêu trương.

Trang 19, cột 2, giòng 36 : — chúng tôi biết ngạc nhiên, xin chữa : chúng tôi hết ngạc nhiên.

Trang 20, cột 1, giòng 3 và 9 : — Lê quang Thiều, xin chữa : Lê quang Chiêu.

Trang 20, cột 1, giòng 31 : — phải chú tôi khá, xin chữa : phải chi tôi khá.

Trang 20, cột 1, giòng 44 : — che đập, xin chữa : che đậy.

Trang 20, cột 2, giòng 5 : lẽ kiêu trung, xin chữa : lẽ kiên trung

Trang 20, cột 2, giòng 36 : câu chot của Cử trị làm một ý nghĩa, xin chữa : câu chót của Cử Trị hàm một ý nghĩa.

Trang 20, cột 2, giòng 41 : — thi sĩ tiếp tháo, xin chữa : thi sĩ tiết tháo.

Trang 20, cột 2, giòng 43, suối vàng sâu thẳm, xin chữa : suối vàng sâu thẳm.

* *Muốn rõ những bài vở rất công phu của những cây bút có danh khắp ba kỳ ?*

* *Muốn chơi một tấm phụ bản nhất thi nhất họa do mấy danh-sĩ đông phương chế-tạo ?*

* *Muốn dự một cuộc thi rất lý-thú trên đàn văn?*

Các bạn hãy cố kiếm mà đọc kỹ :

Số xuân TRI-TÂN 1943 (Quý-mùi)

do hai họa-sĩ TRỊNH-VĂN, NGUYỄN-VĂN-TỴ vẽ và trình-bày

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 48

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA mậu-tuất, năm 1478, hiệu Hồng-đức thứ chín đời vua Lê Thánh-tôn, đỗ đệ tam giáp, đồng tiến-sĩ xuất-thân, năm-mươi người :

1. — Nguyễn-Hiến, người xã Đống-xuất, huyện Đông-ngàn phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc, nay là Bắc-ninh. Làm quan đến thị-lang. Là tằng-tổ Nguyễn-chỉ-Công, đỗ năm Thuần-phúc (1565) nhà Mạc (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23b, quyển 2 tờ 47b, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 27b).

2. — Đào-cảnh-Huống, người xã Phán-thủy, huyện Kim động, phủ Khoái-châu, tỉnh Sơn nam. Năm bốn mươi nhăm tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất 1478. Làm quan đến Lễ bộ tả thị-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1 tờ 23b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 66a).

3. — Nguyễn dương Kỳ, người xã Cao duệ, huyện Trường tân, nay là huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương Làm Sơn-nam-đạo giám-sát ngự-sử. Năm bính-thìn 1496 tâu vua Lê Thánh-tôn xin những quan-lại ở các châu huyện biên-thùy, ai quen thủy thổ, am hiểu tục Mường, cho làm quan lại châu huyện sở tại. Vua cho lời tâu ấy là phải, đem thị-hành. Dần dần thăng đến (thị-lang *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36a và b).

4. — Quách-Tán, người xã Phù-đàm, sau đổi là Phù-khê huyện Đông-ngàn phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Năm hai mươi bảy tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa mậu tuất, 1478. Mùa đông năm bính-ngọ 1486 sung chức phó sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Sau lại đi sứ một lần nữa. Làm quan đến Hàn-lâm. Sinh ra Quách-Điền, đỗ khoa ất-sửu năm Đoan-khánh thứ nhất, 1505 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23b, quyển 2, tờ 3a ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc tờ 27b).

5. — Nguyễn-khánh-Dung, người xã Cao-mật (Tả Thanh-oai, phủ Ứng thiên, tỉnh Sơn-nam. Làm quan đến Quốc tử giám tế tửu (*Đăng khoa lục*, quyển 1. tờ 23b, *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 34a).

6. — Doãn hoành Tuấn, người xã Yên duyên, huyện Thượng phúc. phủ Thường tín, tỉnh Sơn nam. Làm quan đến thượng thư. Là bác Doãn mậu Khôi, đỗ khoa nhâm tuất năm 1502 ; là tằng tổ Doãm Đàm, đỗ khoa bính tuất năm 1586 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 23 b, 52b, quyển 2 tờ 60 a. Mùa đông năm canh-tý 1480, phụng mệnh sung chức phó sứ sang nhà Minh về việc tuế-cống. Bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, quyển 23, tờ 32-33, chép việc đi cống như sau : « Trước năm 1480, vua Lê Thánh tôn, vì thấy giáp cõi có bọn sơn man xâm nhiễu ngoài biên, sai Hoàng thế Cung đến châu Bàng tường để dò thám. Tri châu châu Bàng tường là Lý quảng Ninh bắt Hoàng thế Cung. — Chức tổng binh đồng tri ở Bắc bình là Trần Ao lấy cớ ruộng ở ban động giáp địa giới châu Tư lang, sai chức liệt hiệu là Đào phu Hoán đem sáu trăm quân mở cửa ải Thông quang (ở xã Quang lang, châu Ôn, nay đổi là đồn Quang lang) giồng cọc chắn lại, để phân biệt giới hạn, bị thổ tù nhà Minh là La Truyền đánh phá đốt cọc. — Lại trấn thủ Lạng sơn là Lưu doãn Trực tâu rằng : Người ở châu Tư lăng nhà Minh kéo vào địa giới châu Lộc bình cướp trâu bò của cải, quan thú bị là Lê đình Hoán không kiềm chế nổi. — Lê Niệm và Lê thọ Vực bàn rằng :

« Kẻ kia quen thói cũ xâm lấn cướp bóc những biên dân của ta, nên sai quan trấn Lạng sơn làm điệp đưa sang chẩu Tư lăng trách về việc không chịu ngăn cấm nhân dân để dân vượt qua biên cảnh cướp bóc. Lại làm tờ kể rõ đầu đuôi về những việc đốt cọc và cướp bóp, nhân tới kỳ đi xứ, đem trình tổng đốc lưỡng quảng khám hỏi ». — Gặp bấy giờ vua nhà Minh có sắc rằng : « Gần đây nhận được lời của trấn-thủ Vân-nam nói : An-nam quốc-vương vô cố đem binh mã đánh giết Lão-qua, lại đánh Bát-bách tức-phụ, quốc-vương, nếu biết những việc làm trước là lỗi, nên chóng lui quân ». (Trong quyển *Thiên-hạ quận quốc lợi-binh toàn-thư* chép Bát-bách tức-phụ là tên dợ (di-danh). Đời truyền tù-trưởng nó

có tám trăm vợ, mỗi người giữ một trại, nhân thế đặt tên. Đầu đời Nguyên, 1280, đặt Bát-bách tuyên úy-ty. Đời Minh, hiệu Hồng-vũ thứ hai mươi bốn, 1391 tù trưởng nó đến cống Tàu, bèn lập Bát-bách đại-điện tuyên-úy sứ-ty. Đến đời Gia-tĩnh, 1522-1566, bị mất về nước Diến-điện) — Vua Lê Thánh-tôn đem sắc của vua Minh bảo cho quần-thần biết. Lũ Lê-thọ-vực bảo là nên quyền từ để phúc tấu như thế này :

« Vì có người ở Đông quan trốn sang Lão-qua cho nên đem quân đến cối, bắt người Lão-qua đi tìm, còn xứ Bát-bách thì nước Nam không động đến ». Vua bèn sai Hàn lâm thị thư là Lương thế Vinh soạn những biểu văn phúc tấu và đem những việc La truyền đốt phá cọc và việc Lý-quảng-Ninh bắt sai-nhân của ta tư sang cho Tàu biết rõ. Vua sai Nguyễn-văn-Chất, Doãn-hoành-Tuấn và Vũ-duy-Giáo sung - chức chánh phó sứ về việc tuế-cống, đem những biểu văn phúc-tấu và tư-di ấy, tùy khoản ứng đối. Lúc bấy giờ phàm những giấy má về việc bang-giao, trước sai quan Hàn-lâm nghĩ-soạn, rồi đưa xuống Đông-các đình-thần kiểm-duyệt, nếu có chỗ nào chưa hợp, liền sửa đổi. Người Minh thường khen, cho nước ta vẫn có người giỏi ».

(*Còn nữa*)

Ứng Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tài liệu đính chính những bài văn cổ

(Tiếp theo trang 7)

Kẻ chê bất nghĩa, người cười vô lương. Cụ Kiều oánh Mậu chua rằng : « Kinh bản chép là « Ai ai cũng gớm mặt người vô lương », nhưng cụ không theo.

Vừa tuần nguyệt sáng, gương *trong*. Quyển chú thích chép là « *gió mát giăng* trong ». Cụ Kiều oánh Mậu nói « *nguyệt sáng, gương trong* » do chữ « nguyệt minh như kính » nghĩa là mặt giăng sáng như gương, để nói tuần rằm.

Nàng rằng « Mưa gió giập rụi ». Các bản chép là « *dập-dìu* ».

Mụ rằng : « *Ai cũng như ai,* « Bỗng dưng *ai mất tiền hoài đến đây!* » Các bản chép là « *Người ta* ai mất tiền hoài đến đây ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chua « chữ ai trên trỏ vào nhà thanh-lâu, chữ ai thứ hai trỏ vào con nhà tử-tế, chữ ai câu dưới trỏ vào khách làng chơi ».

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Việt nam thi ca luận

(tiếp theo trang 8)

« Nó phải là sự hòa-hợp bằng thanh-âm và mầu-sắc, giữa tâm hồn thi-sĩ và sự-vật, hay là sự phát lộ hoàn - toàn của « con người tình cảm » trong ta, dưới một hình thức nghệ-thuật.

« Nó cũng phải thu gồm tinh cảnh thuần-tuý của một nghệ-thuật dưới một hình thức hết sức tổng-hợp... » (trang 97).

Như thế rồi, thơ còn phải hết sức *sáng* và *tổng hợp*.

« Thơ không có « Mới », có « Cũ ». Nó chỉ hay và không hay thôi. Nó có đạt tới nghệ-thuật hay không thôi. Quan-hệ ở điểm đó » (trang 67).

Thật là một lời nói tâm-can của một kẻ yêu thơ, đã đứng được ra ngoài trào lưu mà nhận xét.

Sau khi phong trào « thơ-mới » đã tắt hẳn rồi, những bạn thích thơ, những người muốn nghiên cứu về thi ca Việt-nam, đang mong - mỏi có một cuộc kiểm-điểm lại tất cả các xu-hướng của các nhà thơ hiện đại trên con đường tiến hóa của nghệ thuật. Tưởng quyển sách mỏng này cũng có thể mang lại cho các bạn ít nhiều thỏa-mãn.

CHU-THIÊN

CÙNG CÁC NHÀ ĐẠI LÝ

Về số Xuân 1943 (Quí Mùi) vì chúng tôi in có hạn nên chúng tôi mong các đại lý gửi thơ về *lấy đủ số bán*. Những số báo còn, chúng tôi không nhận trả lại. Vậy các đại lý nên lưu ý mà gửi thơ về ngay cho biết.

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 nam	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

MỘT PHƯƠNG-PHÁP TRỊ LAO

(Tiếp theo trang 6)

Người bịnh phải nằm nghỉ bao lâu ?

Khi người bịnh khạc ra máu hay màng phổi có nước thì tức-nhiên họ phải nằm. Cũng phải nằm nghỉ nếu bịnh-tình họ không được bớt nhiều hay còn đương trở nặng thêm. *Có hai chứng hậu cho biết bịnh đang đi tới hay cơ-thể người bịnh còn yếu lắm là sự gầy-ốm và nhiệt-độ cao.*

Hai chứng hậu này hô với ta rằng : « không nên cho bắp thịt và trí não làm việc !

Phải lấy nhiệt-độ trong hậu-môn mới chắc ý, chớ không nên đặt ống-thủy ở nách như người ta thường làm.

1·) Ống thủy chỉ trên 38 độ, phải nằm hoài trên giường.

Nếu ống-thủy chỉ trên 38 độ thì người bịnh phải nằm dài trên giường hay ghế bố (giường bố), không nên vận động chi hết, cũng không nên nằm trên ghế xích-đu. Phải nghỉ như cách nói trên, nghỉ một cách hoàn toàn, viên - mãn (repos complet). Nằm như vậy cho tới khi nhiệt-độ xuống. Rửa mặt, tiểu tiện, cơm nước cũng trong phòng và có người giúp đỡ cho.

Nếu nhằm người tuy sức nóng không trên 38 độ, mà tim đau, thở khó, ốm thêm, ăn uống không được, đổ mồ hôi nhiều quá, mạch nhảy lẹ, mệt, họ cũng phải nằm nghỉ trên giường như người bịnh có nhiệt-độ lên khỏi 38.

2·) Ống thủy chỉ trừ 37·6 tới 38 độ, phải nằm giường và ghế dài

Nếu ống thủy chỉ từ 37·6 tới 38 độ, hay nếu dưới bực ấy, nhưng hễ vận động chút ít thì nhiệt-độ vọt cao, và an uống không ngon thì phải nằm nghỉ trên giường. Nhưng từ 10 giờ sớm mai tới 6 giờ chiều, họ có thể nằm nghỉ trên ghế dài, hỏi nằm mãi trên giường. Mà ghế dài phải cho êm-ái, vừa vặn như tôi đã nói trên.

3·) Dưới 37·6 được phép vận-động.

Dưới 37·6 và nếu trong mình khỏe, người bịnh có thể mỗi buổi sớm mai đi bộ nửa giờ. Ngoài ra, họ phải nằm nghỉ trên ghế dài hay trên giường. Phải đi bộ chậm chậm trên đường bằng thẳng, không nên lên đèo xuống dốc.

Ai cũng biết, dẫu người mạnh cũng vậy, hễ tập thể tháo hay đi nhiều thì nhiệt-độ lên. Người bịnh trên đây đi bộ nửa giờ, về tới nhà, phải đặt ống thủy. Nếu, sau khi về, sức nóng không hơn trước khi đi quá một độ hoặc nếu nhiệt-độ ấy trong nửa giờ lại xuống bằng trước khi đi, hay nếu không thấy trong mình mệt nhọc thì người bịnh có thể lần lần đi nhiều hơn nửa giờ mỗi buổi sáng. Không nên đi vào buổi chiều vì buổi chiều tự nhiên họ hay có nhiệt-độ lên.

Còn như sức nóng lên hơn một độ, hoặc, khi đã về, nằm nghỉ trên nửa giờ mà nhiệt độ còn cao hay họ thấy trong mình mệt nhọc, là cơ thể họ chưa chịu nổi sự vận động ấy. Họ phải đi ít hơn hay không nên đi, họ phải nằm nghỉ trên ghế dài.

***

Nếu đã hai ba tháng săn sóc theo phép vệ sinh ấy — nghĩa là đi bộ mỗi ngày từ nửa giờ tới một giờ — mà người bịnh coi trong mình có mòi khá hơn, thích đi, đã không thấy mệt, lại nghe khỏe khoắn, khoan khoái, an uống ngon, thì lần lần họ được đi nhiều hơn. Đi cho tới ba bốn giờ mỗi ngày — phân ra nhiều lần — rồi họ có thể tập lần lên dốc và xuống dốc.

Nếu đi nhiều như vậy mà không mệt, nhiệt-độ không lên thì đó là một điềm rất tốt. Bịnh tình đã thuyên giảm nhiều.

***

Như bạn đọc đã rõ, nghỉ ngơi là sự cần thiết nhất cho người bị lao. Thiệt phiền phức, nhưng không có nó thì bịnh khó lành được. Sự vận-động sẽ làm cho bịnh lao nặng hơn, nếu bịnh còn ở trong thời kỳ « chưa chịu đứng lại » (stabiliser), nghĩa là nhiệt-độ còn cao và còn ốm thêm.

Có người lại tưởng rằng dầu bịnh đã thuyên giảm nhiều rồi, họ cũng phải nằm hoài. Không phải vậy. Nếu được người bịnh phải tập vận-động cho cơ-thể làm quen trở lại với sự sống của nhơn-loại. Nhờ sự vận-động dè-dặt, có điều-độ, cơ-thể họ sẽ đặng tráng-kiện, sẽ đủ sức chống cự lại với sự mệt nhọc, và lần lần sẽ trở nên cơ thể của một người mạnh. Và họ sẽ là người mạnh.

Bác-sĩ LÊ - VĂN - NGÔN

(Tài liệu rút trong quyển BỊNH HO LAO đang in)

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có
Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả Các bài văn khấn
Khoản thức biên gia phả
Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyền này chỉ việc điền gia phả của nhà mình vào
Cử nhân
Dương Bá-Trạc soạn

Giá 0$40 — Cước 0$10
gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông HANOI

Bài chí hồ núi Ba-bể

(Tiếp theo trang 13)

Dịch nôm

Quanh thành tỉnh Bắc-kạn thuần núi, từng suối dẫy chồng, lần quanh la-liệt. Tây Bắc tỉnh, hình thế càng lạ; mà chính giữa đẹp nhất, trở nên một nơi đại-quan về sơn-thủy: Ấy là hồ núi Ba-bể vậy.

Cớ sao gọi tên là Ba-bể? Nước hồ liền nhau, như hình con ngựa quỷ, cho nên đặt tên như vậy. Giữa đột nổi một cái núi nhỏ, gọi là núi Mã-yên-sơn (núi Yên-ngựa), núi có chùa thờ Phật, không biết từ thời-đại nào. Lạ thay! Núi mà nổi danh là nhờ có bể: bể kiếm củi được mà núi thì đánh cá được. Tạo-vật hình như xếp-đặt cảnh đẹp, để dành cho khách du-quan. Đầu hồ có động, trong động có ngòi, phàm tự sông vào hồ, phải ròng thuyền qua khoảng giữa hai vách màn đá. Nước không dời núi, sâu mà phẳng, khuất-khúc mà sáng sủa; quỷ-khắc, thần trạm, khéo đến dường nào!

Chỗ này, lúc trước, thuộc về tỉnh Thái-nguyên, châu Bạch-thông; tự sau khi đặt tỉnh lỵ Bắc kạn, mới thuộc về châu chợ-Rã.

Mùa xuân năm ngoái, tôi đến chốn này, lạm giữ chức trách một địa phương, khắp xem núi sông, nhân biết được nơi danh-thắng. Hỏi người thổ-trước, thì một vị cổ lão thuật rằng:

— « Tương truyền: thôn Đầu-đẳng xã Nam-môn, một đoạn sông Năng hai bờ rẻo núi, một hòm, núi thình-lình lở, sông bị lấp, nước giòng trên lan-tràn, xoáy thành cửa hồ, mà bãi đất xã Nam môn chìm hết! Ấy là việc khoảng niên-hiệu Bảo thái nhà Hậu Lê vậy (trước sau Tây-Lịch 1.100 năm). Cuối đời Lê, 12 vị quận-công danh giặc Tàu là bọn Hoàng Lão Tả, đều tuẫn tiết ở đó. Nay ở quanh hồ là xã Nam mẫu, có lẽ là dân Nam môn còn sót lại. »

Lại có người bảo tôi rằng:

— « Tương truyền: Thổ dân chỗ này thường đặt hội Lam giả, buôn Thần bán Phật để kiếm lợi, dân không được tốt, trời mới ra tai giệt bọn sài lang. Sấm động, sét vang, mưa mau, gió dữ, phut chốc đất sụt, thuần nước mênh mông, núi biến thành bể. Duy có một bà lão hay bố-thí, may tránh khỏi vạ là nhờ có con giao-long hóa hình người hủi mà bảo trước. Trong hồ có vài cái gò cao, tức là cái giấu cũ của bà lão lánh nạn lúc ấy vậy. »

Nhưng tôi thiết nghĩ: biển dâu biến đổi: hoặc giả là do thiên số xui nên. Câu chuyện trước còn có chứng cớ đủ tin; đến câu chuyện sau, tựa hồ hoang đường. Nhưng khuyên lành răn ác, cũng là cái ý sâu xa mượn thần-đạo để dạy người. Hai chuyện đều cũng để cả.

Vả lại, biên thùy nước ta, miền này ách-yếu hơn cả; mà những bậc tôi trung-liệt đời Lê, có ảnh hưởng lớn trên lịch-sử, dẫu trước không có bi-ký, không thể tra xét, nhưng đến nay qua tham, còn tưởng thấy cái phong-độ anh-hùng hào-kiệt có thể cùng truyền với hồ núi ấy. Huống chi phong hội ngày mới, đường xá ngày mở, xưa là tổ trộm cướp, nay là nơi danh thắng, mà danh của hồ càng rõ-rệt trên thế giới. Đó là cái thế thời-vận xoay đổi, mà cũng là nhờ sức sửa sang của Quốc-gia.

Có điều đáng tiếc là chốn này du-lịch không ít mà đề vịnh thì trước rày không ai! Hay là giang san còn chờ-đợi ru? Ta vì thế mà cảm, cảm thì không thể không nói, nên mới có lời chí; chí không hết ý, nên lại có thơ:

Lê, Mạc tranh nhau: sóng đã bình,
Khói mây như cũ, nước hồ xanh.
Đừng bàn tang-hải không rồi chuyện,
Thấy nói giao-long có hóa hình..
Gươm, ngựa, anh-hùng trơ bãi sạch;
Tiên, Rồng sơn-thủy vẳng hồn linh.
Bên bờ, nay thấy thông vang sóng.
Tưởng tiếng năm xưa giặc bỏ mình

Mùa xuân tháng giêng năm Giáp tí niên hiệu Khải-Định thứ chín. Quang-lộc Tự-thiếu-khanh Án-sát-sứ tỉnh Bắc-kạn, Nam-định Lễ Đình Phan-Đình-Hòe nghĩ đề.

Tri-châu châu Chợ-Rã Vi-Văn-Thượng phụng chí.

NHẬT-NHAM *dịch*

Đã có bán

Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ

In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2$00

Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM
12, rue Sabourain phát hành
Hãy đến *Pavillon Information Presse* xem *« nước Việt Nam cổ »* qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bày

Sách mới

TRIẾT HỌC **NIETZSCHE**
của **Nguyễn đình Thi** giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành
TRIẾT HỌC KANT
156 trang — giá 1$50
VẮNG SAO *của Chê lan Viên trong « Tu sách đẹp » giá 2$50*
Nhà xuất bản VĂN VIỆT
49, Takou — Hanoi

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 7

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Chiều hôm ấy, trên con đường về tỉnh Bắc một chàng võ tướng, đeo kiếm, tế ngựa như bay, đó là Nguyễn-Mại trở về quê thăm mẹ và vợ con. Bụi bốc mịt mù đuổi theo vó ngựa người tráng sĩ.

III

Bài phú Long trì của Bảo Kim nổi tiếng trong xã-hội văn-chương thời ấy. Các danh sĩ đều thán phục là một thiên cổ kỳ bút. Gần xa ai ai cũng biết đến Bảo-Kim; người ta thi nhau chép cho được bài phú Long-trì, họ đọc họ ngâm họ phê-bình. Nhiều người quá hâm-mộ, còn học cả lối chữ thảo của Bảo-Kim để viết bài phú ấy. Thiên-hạ khen là nhà Nguyễn Thị-lang có phúc; họ cho là trời đền công cho vị quan thanh liêm không được hưởng lộc trời, nhất là cho Nguyễn phu-nhân, một bà hiền-mẫu có lắm lòng trung hậu cả kinh-thành đều biết. Họ đoán rằng, với cái tài của Bảo-Kim, chàng sẽ không khó nhọc gì mà giật giải khôi nguyên trong kỳ thi sắp tới.

Tuy vậy, thiên hạ vẫn lo sợ ngơm ngớp cho Bảo-Kim. Phu-nhân cũng cùng chung một mối sợ. Việc Bảo-Kim cùng anh em đánh lại « cậu Trời » buổi dạ hội ở Long-trì, khắp chốn kinh-kỳ đều biết. Người ta lại lấy làm lạ rằng đã sáu bảy hôm Đặng-Lân không ra khỏi phủ. Thực là một sự quái-gở, vì ai cũng biết em trai Tuyên-phi là một đứa tiểu-nhân không có lẽ nào lại làm ngơ cho bọn Bảo-Kim. Nhiều người đồ rằng Lân sợ Nguyễn-Mại; lắm kẻ cho rằng hắn đương nghĩ một mưu thâm-hiểm gì để hại kẻ thù; có người mạnh đoán lại cho là Đặng-Lân ốm. Lời đoán này làm cho nhiều người nói:

— Thôi thì cũng lậy trời bắt nó ốm cho nó chết đi, để cho nhẹ kiếp dân kinh-thành! Không biết đất Thăng-long có động ở chỗ nào mà trời sai thằng quỉ ấy xuống gieo tai, rắc vạ?

Sự thực thì « cậu Trời » vẫn ở trong phủ huy-hoàng của hắn. Sau khi bị đánh ở Long-trì, Lân dẫn đồ đảng lủi thủi về nhà, nghiến răng mắm lợi, giận uất lên tới cổ.

Về đến phủ, Lân nằm lăn trên sập, rên-rỉ:

— Thù này không báo được thì đến chết mất mà thôi!

Ba tên hầu thân cận nhất của Lân là Bùi-Đăng, Đào văn Kiên và Hồ trọng Vũ cầm quạt lại quạt cho chủ và tơn hót:

— Thưa cậu, cậu hãy nguôi giận, rồi ta sẽ nghĩ kế phục thù.

Lân truyền đem rượu ra uống. Nốc cả một vò rượu tốt, say mềm nằm lả ra, ngáy như sấm. Bùi-Đăng nhanh nhảu dẫn một lũ con gái vẫn bắt giam dưới nhà đem lên để đấm bóp cho « cậu Trời ».

Lân đang lúc say khướt, bỗng trừng trừng nhìn mọi người bằng cặp mắt ngầu ngầu như mắt chó dại. Hắn cất giọng đầy hơi rượu, hỏi:

Quỳnh Hoa đấy ư, em?

— Thưa cậu, em đây mà, Quỳnh Hoa nào?

— Quân chó má này, ai bảo chúng bay lên? Tao có bảo không mà chúng bay dám tự tiện?

Bùi-Đăng sợ hết hồn thưa:

— Thưa cậu, chúng nó lên để hầu hạ cậu.

— Tao thèm hạ mình để cho lũ bần tiện ấy được gần ư?

Rồi Lân thét lác ầm ỹ, trông rất ghê sợ. Chợt gọi:

— Bùi Đăng! lấy gươm cho cậu!

Đăng dạ, dàng gươm. Lân cầm lấy. Người con gái thưa thốt lúc nẫy kêu lên một tiếng hãi hùng chạy ra sân thì « cậu Trời » đã sấn lại, chém một nhát ngã gục xuống, lấy chân đá cái thây băng ra xa. Hai người con gái trong nhà chết ngất đi vì sợ.

Những sự chém giết ấy không mấy ngày không diễn ra trong phủ Đặng Lân. Con người tửu sắc và dâm dật ấy thích cái thú quái gở là giết đàn bà, con gái, sau những khi hành lạc, hay trong những lúc rượu say.

Khi đã làm xong tội ác, Đặng Lân quăng kếm, cười ha hả, rồi chân nam đá chân xiêu, bước lại sập, lên nằm thản nhiên như không có sự gì xảy ra. Một lát lại ngáy, thỉnh thoảng lảm nhảm gọi:

— Quỳnh Hoa quận chúa! Quỳnh Hoa quận chúa!

Bùi Đăng sai đồ đảng quét tước và đem chôn cái thây ở bên vườn rộng đằng sau. Trời vừa sáng bạch. Đăng thầm thì bảo tên Kiên:

— Cậu cả mê Quận chúa rồi!

— Ăn thua gì, đời nào chúa thuận!

— Biết đâu đấy Có bà Tuyên phi thì không ai nói trước được.

Mãi trưa hôm ấy Đặng Lân mới dậy. Bùi Đăng dọn tiệc lên rồi cùng bọn vô lại chắp tay đứng hầu, trong khi một người thiếu phụ có nhan sắc đứng chuốc rượu.

« Cậu Trời » hỏi:

— Chúng bay có trông thấy quận-chúa Quỳnh Hoa không?

Bùi Đăng thưa:

— Thưa cậu, thực là một trang tuyệt sắc!

— Ta ngắm con gái đã nhiều, nhưng chưa bao giờ thấy một người đẹp như thế. Không ngờ Tĩnh đô Vương lại có con gái đến bực ấy. Ta được sánh duyên với Quỳnh Hoa thực là thỏa mật đời. Chúng bay

bảo ta có lấy được Quỳnh Hoa không ?

Đào văn Kiên đáp :

— Thưa cậu, làm gì mà chẳng được. Tuyên phi chỉ nói một câu là mọi sự phải thành.

— Thế nhỡ quận chúa không thuận? Hồ trọng Vũ sợ các bạn cướp mất thời, vội nói :

— Thưa cậu, không thuận là thế nào ? Chúa thuận thì quận chúa phải thuận. Cậu cứ nói với Tuyên phi đi, thế nào cũng được. Con cam đoan thế.

— Ta có xấu lắm không ?

Bùi Đăng nói :

— Cậu mà xấu ư, thưa cậu ? Cậu nhún quá ! Vả xấu thì làm gì ? Em bà Tuyên phi lấy con chúa Tĩnh vương, môn đăng hộ đối, cậu còn phải nghi ngại gì nữa ?

— Ta cũng hỏi chúng bay thế thôi, chứ con Quỳnh Hoa đã cao quí gì mà ta không lấy được ? Ta quyết lấy được nó mới thôi. Được làm chủ bông hoa ấy, mở khóa động đào, kể thực là một điều sung sướng nhất đời ta.

Nói tới đây, lấy làm khoái trí, Đặng Lân nốc luôn mấy chén rượu, rồi cầm cả thổi gà gặm nhá, vứt xương ứ tung, tay bần chùi cả vào quần áo mình, lại chùi cả vào quần áo người thiếu phụ mà hắn ôm trong tay.

Bùi Đăng chợt thưa :

— Thưa cậu, thế còn thằng Bảo Kim ?

— Giết nó lúc nào chả được. Cả lũ bạn nó, cũng không tha một đứa nào. Con mẹ nó không răn dạy nó, cũng giết nốt.

— Thưa cậu thế còn thằng đeo kiếm ?

— Chúng bay ngu nên không biết. Giá cứ để cho chúng bay đánh lũ Bảo Kim thì tên đeo kiếm nó đến giết tao. Nó là thằng Nguyễn Mại. Nó theo quan quân đánh chúa Nguyễn ở phương Nam. Chúa Tĩnh đô vẫn có ý muốn giết họ Nguyễn, nên việc đánh Phú xuân chúa để ý lắm. Thằng Nguyễn Mại có công lớn trong trận ấy, nên chúa Tĩnh đô rất yêu. Nhưng yêu ta bảo cũng phải giết. Không giết không được cho mà xem... Nó khỏe lắm đấy, tinh thông cả thập bát ban võ nghệ, quân Nguyễn sợ lắm, gọi là hổ tướng. Chúng bay trêu vào nó thì mất xác ngay. Vì thế ta chịu nhịn nó. Tránh voi chẳng xấu mặt nào. Vài hôm nữa, ta nói với chị ta, thì nó lại bị bêu đầu sớm. Hống hách với ai chứ với « cậu Trời » thì chỉ có chết.

Bùi Đăng nói :

— Chúng con xin cậu nói với Tuyên phi giết cho được lũ Nguyễn Mại và Bảo Kim đi, để rửa cái nhục ở Long trì.

— Có khó gì !

Chiều hôm ấy, Đặng Lân sai thằng ngựa, vào phủ chúa tìm Đặng Tuyên phi. Phủ chúa tuy là nơi nghiêm mật, nhưng Đặng Lân được đặc quyền ra vào tự do, không ai dám cản trở.

Chúa Tĩnh đô bận việc ở nhà nghị sự. Trong cung, duy còn có Đặng Tuyên phi. Hai chị em gặp nhau mừng mừng rỡ rỡ...

Tuyên phi hỏi :

— Đã nửa tháng nay, chị thấy mất mặt em, chị định mời ra thăm, không ngờ em lại đến.

Đặng Lân thưa :

— Thưa chị, em độ này bận lắm.

— Bận cái gì ? — Tuyên phi vừa nói vừa âu yếm nhìn em — chị thấy nói em độ này làm nhiều điều phi pháp lắm. Em nên liệu đấy, kẻo quá lắm chị cũng không bênh được nữa.

— Chị dạy, em xin theo. Nhưng em có làm chi gọi là phi pháp ? Chị đừng nghe người ta mà oan cho em. Vả, em cũng không muốn bông lông nữa, em muốn định bề gia thất, chị giúp em nhé.

— Chị đã mấy lần khuyên em về việc này, em không nghe, nay em đã biết nghĩ, thực là phúc cho họ Đặng nhà ta. Mẹ mất sớm. Cha hiếm hoi, chỉ có em là trai, hai mươi nhăm, hai mươi sáu tuổi đầu, vẫn chưa có vợ, cứ lông bông thì bao giờ cha có cháu ẵm ?

— Thưa chị, chính vì thế mà em nghĩ đến nhân duyên.

— Em đã thuận nơi nào chưa ?

— Đã, nhưng cũng khó lắm. Đám này, phi chị giúp cho thì không sao thành được.

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯƠNG

Hội cựu sinh viên các trường thầy dòng tại Bắc kỳ

(L. T. S. — Bản chí nhận được tờ đạt sau này xin vui lòng đăng nguyên văn).

Chúng tôi định đến ngày chủ nhật 24 Janvier 1943 tới này, đúng chín (9) giờ sáng sẽ họp Đại-Hội Đồng-Thường-Niên tại khách sạn ORIENTAL số 38 Phố hàng Bông Hanoi.

Sau khi Đại-Hội-Đồng sẽ có một bữa tiệc thân mật để anh em cùng tỉnh họp mặt.

Mỗi bạn dự tiệc xin đóng hai đồng rưỡi (2$50) và gửi lại cùng biên tên tại bạn Thủ-quỹ, Mai Văn Hàm, 121 phố Julien Blanc Hanoi.

Chúng tôi mong các bạn đã học qua một trường thầy dòng (Hanoi, Haiphong Nam-định Phát-Diệm, Bùi chu vân vân...) dù đã vào Hội hay chưa, biên tên dự tiệc cho đông để anh em có dịp cùng nhau tỏ tình thân ái.

Thư từ xin viết vào bạn Nguyễn-Đa-Phúc 37 Ngõ Hàng Hành hay bạn Đỗ Huy Nhiệm ở Conservation des Hypothèques Hanoi.

Xin các bạn biên tên và đóng tiền trước ngày 20 Janvier 1943 để tiện chúng tôi sửa soạn trước.

Ban Trị-sự Lâm-Thời kính đạt

25-12-42 có bán

NGHIÊN CỨU VÀ PHÊ BÌNH

Nguyễn Du

VA

Truyện Kiều

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Duyệt lại và phê bình những ý kiến về Nguyễn Du và truyện Kiều của các nhà văn học xứ ta suốt một thế kỷ (Lập trai, Nguyễn công Trứ, Tản Đà, Yên Đỗ, Phạm Quỳnh, Trần trọng Kim, Ngô đức Kế, Huỳnh thúc Kháng, Đào duy Anh, Hoài Thanh...)

Sách dày 350 trang — Giá 3$50

Có in nhiều bản giấy đẹp hảo hạng giá từ 12$ đến 50$: ai muốn mua hỏi :

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN CỤC

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

Đã xuất - bản quyển I

Giá bán : 0$80

15 Décembre sẽ ra quyển II

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước 0$30 cho Nhà xuất - bản TÂN - DÂN

93, Rue du Coton, Hanoi

Không gửi cách lĩnh hóa giao ngân

RẺ ! HAY ! ĐẸP !

đó là 3 cái đặc - điểm các sách của thư - xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LINH — Hanoi

Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM - VÂN - KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông Nguyễn-văn-Vĩnh 330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông Lê-văn-Hưu đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p. 25

2) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2p. 50

3) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3p. 50

4) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim, 0p. 80

5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua 1 ximười quyển trở lên có trừ 15%.

Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng

Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Tri-Tân — 70, Bach-Mai Hanoi